

Số: 173 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 đối với 04 khoản phí trong Mục IX-Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (sau đây gọi tắt là Luật BVMT năm 2020), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Và các văn bản pháp luật liên quan khác.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH:

1. Phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020:

Theo quy định của Luật BVMT năm 2020, một số khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định tại Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí có sự sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; cụ thể như sau:

- Tại khoản 4 Điều 169 Luật BVMT năm 2020 quy định: “4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14”.¹

- Theo Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 và được UBND Thành phố công bố tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022, đã ban hành 02 TTHC thay thế gồm “Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường” và “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản”, không còn TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”.

- Theo Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019, đã quy định sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều có liên quan đến các khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí (đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Luật BVMT năm 2020).

¹ Cụ thể là: a) Sửa đổi, bổ sung điểm 1.4 Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (bỏ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết); b) Bổ sung điểm 1.6 (Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường) và sau điểm 1.5; c) Bãi bỏ điểm 5.4, điểm 6.3 và tiêu mục 9 (thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh là điểm 5.4 Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi).

Do vậy, một số khoản phí được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Phù hợp với tình hình thực tiễn của Thủ đô:

2.1. Tình hình thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố, trong thời gian qua tổ chức thu phí (Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị khác) đã thực hiện thu phí và nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm đối với 03 khoản phí, gồm: (1)- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mức thu từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 11.000.000 đồng/hồ sơ); (2)- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (theo 02 mức thu là 5.600.000 đồng/hồ sơ và 8.800.000 đồng/hồ sơ); (3)- Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (mức thu từ 5.000.000 đồng/đề án đến 9.000.000 đồng/đề án).

Trong 3 năm (2019, 2020, 2021), tổng số phí thu được bình quân đạt 2.595.466.667 đồng/năm, trong đó thu từ hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là 636.400.000 đồng/năm, bình quân 7.922.860 đồng/hồ sơ; thu từ hoạt động thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước (cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước) là 1.959.066.667 đồng/năm, bình quân 5.949.185 đồng/hồ sơ và không có hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án khai thác khoáng sản. *(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

2.2. Một số vấn đề thực tiễn:

- Trong quá trình giải quyết TTHC theo quy định; một số hoạt động thẩm định chưa có kinh phí để chi trả như: thù lao viết bài nhận xét của thành viên hội đồng, ủy viên phản biện sau thẩm định (nhận xét lại); chi phí trà, nước phát sinh khi phục vụ cuộc họp; chi tiền chuyển hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự, chi thư tín, liên lạc;....

- Các mức thu phí của 02 khoản phí, gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, chưa có sự điều chỉnh mức thu cho phù hợp với quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành. Hiện nay, các mức chi cho hoạt động thẩm định đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường² và chi theo thực tế. Tuy nhiên, căn cứ xây dựng các

² Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021) và khoản 2 Điều 5

mức thu phí của 02 khoản phí này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường³, đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC. Theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC, các mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định được điều chỉnh tăng trung bình hơn 2 lần, dẫn tới tổng chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định thực tế sẽ tăng thêm bình quân 2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần thẩm định (trong trường hợp hợp đủ số thành viên theo quy định) và tăng trung bình năm khoảng 23,2%/năm.

- Tham khảo mức thu phí đã được ban hành tại một số tỉnh, thành phố khác cho thấy, các mức thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội còn thấp, chưa bằng 50% so với mức thu phí của một số tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Thuận, Kiên Giang⁴.... Với mức thu chưa tương xứng, sẽ gây khó khăn trong công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội.

Như vậy, 02 khoản phí, gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố, cần thiết phải được sửa đổi mức thu phí cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Tuy nhiên, việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần thiết không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật BVMT; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

Do vậy, cần thiết phải ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định thu phí đối với một số khoản phí đã được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố để đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên và đặc điểm thực tiễn của Thành phố Hà Nội.

Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 của Bộ Tài chính; các khoản chi liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định, bao gồm cả: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở, tại địa điểm thực hiện dự án và tổ chức họp của hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

³ Mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố, mức thu phí của phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố. Các mức thu phí được tiếp tục áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

⁴ - *Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*: Đà Nẵng (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 32.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ).

- *Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: Đà Nẵng (13.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 15.600.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 10.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (20.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Thuận (từ 4.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ); Nghệ An (12.900.000 đồng/hồ sơ).

Nội dung cụ thể như sau:

- Sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (bỏ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết). Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, không quy định thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Do vậy, đề xuất sửa đổi mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*không sửa đổi tên khoản phí và đối tượng nộp phí*).

- Sửa đổi phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. Do không còn thủ tục hành chính đối với đối tượng “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”, đề xuất sửa đổi tên khoản phí, đối tượng nộp phí và mức thu phí.

- Bổ sung phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; là khoản phí mới được ban hành theo quy định của Luật BVMT năm 2020. Đề xuất ban hành quy định thu phí đối với khoản phí này, gồm: tên khoản phí, mức thu phí, đối tượng nộp phí, tổ chức thu phí, quản lý và sử dụng phí.

- Bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là giấy phép thành phần của giấy phép môi trường theo điểm d khoản 2 Điều 42 Luật BVMT năm 2020.

Căn cứ thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu phí đối với các hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 24/5/2022 và Báo cáo thuyết minh trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận tại Văn bản số 97/HĐND-KTNS ngày 31/5/2022.

Trên cơ sở các đề án thu phí của Sở Tài nguyên và Môi trường, báo cáo đánh giá của Bộ phận thường trực triển khai Luật Phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội (BPTT), tiếp thu ý kiến tham vấn tại văn bản số 1796/MTTQ-BTT ngày 07/6/2022 của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội và ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 138/BC-STP ngày 09/6/2022 của Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 đối với 04 khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường nêu trên là cần thiết, đúng thẩm quyền. Việc xây dựng Nghị quyết phải được triển khai thực hiện theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT:

1. Mục đích:

Để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên, phù hợp với đặc điểm thực tế của thành phố Hà Nội và các quy định quản lý tài chính, ngân sách hiện hành; đảm bảo thuận lợi trong việc triển khai, áp dụng chính sách được đồng bộ, thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Nghị quyết cơ bản kế thừa các quy định thu phí hiện hành và đảm bảo một số nguyên tắc sau:

- Bảo đảm nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí; Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).

- Căn cứ các mức thu phí hiện hành, quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách của Trung ương và của thành phố Hà Nội.

- Đảm bảo chính sách phí công khai, minh bạch, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người nộp phí.

IV. XÂY DỰNG MỨC THU PHÍ:

1. Các khoản chi cho hoạt động thẩm định:

- Chi phí trực tiếp: là các khoản chi cho hoạt động thẩm định (tính theo từng hồ sơ đề nghị thẩm định), gồm: tổ chức họp Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra, tiến hành khảo sát hoặc kiểm tra thực tế tại địa điểm dự kiến triển khai Dự án, địa điểm cơ sở (theo các mức chi trong ngày); lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, chuyên gia theo quy định của Luật BVMT năm 2020; không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

- Chi phí khác: là chi phí quản lý chung của cơ quan thường trực thẩm định (theo chi phí năm), gồm: chi phí văn phòng phẩm, photo, in ấn tài liệu, thông tin liên lạc và bưu chính thư tín với các cơ quan có liên quan; khấu hao tài sản, máy móc, thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác thẩm định, chi điện nước phục vụ hội nghị và các chi phí khác;....

Căn cứ vào quy trình giải quyết TTHC được công bố theo quy định của Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các mức thu phí được tính toán là khoản thu đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết cho hoạt động thẩm định, đảm bảo nguyên tắc xác định mức thu phí và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý tài chính và ngân sách.

2. Phương án xây dựng mức thu phí:

2.1. Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

a) Công thức tính phí:

Áp dụng công thức tính phí đã được chấp thuận để xây dựng và ban hành mức thu phí tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố (nay là Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020); cụ thể như sau:

$$\text{Mức thu phí} = K \times A$$

Trong đó

- **Giá trị A:** Chi phí cần thiết (chi phí trực tiếp và chi phí khác) cho hoạt động thẩm định tương ứng với từng tổng mức đầu tư của dự án, được chia thành 5 mức với mục đích xác định quy mô của dự án.

- **Hệ số K:** Đặc điểm loại hình dự án; xác định tính chất, mức độ phức tạp của các tác động lên môi trường của dự án.

b) Phương án sửa đổi mức thu phí:

Đề xuất sửa đổi mức thu phí theo phương án tính toán lại chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định (tính lại giá trị A) theo các mức chi hiện hành về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các khoản chi khác theo thực tế; không thực hiện điều chỉnh Hệ số K (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*)

2.2. Đối với phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

Đề xuất sửa đổi mức thu phí theo phương án tính toán lại chi phí cần thiết (chi phí trực tiếp và chi phí khác) cho hoạt động thẩm định trên cơ sở các nội dung chi đã xây dựng để tính mức thu phí được ban hành tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố (nay là Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020); thực hiện điều chỉnh các mức chi cho hoạt động thẩm định theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành và các khoản chi khác theo thực tế (*chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

2.3. Đối với phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

a) Xác định nội dung thu phí:

Xác định các nội dung thu phí của phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo loại hình dự án đầu tư, cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường⁵, cụ thể là:

- Cấp, cấp lại giấy phép môi trường:

+ Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ Dự án đầu tư, cơ sở không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc trường hợp⁶:

⁵ - Theo trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường được quy định cho các trường hợp: (1)-Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (2)- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; (3)- Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Theo khoản 2 Điều 171 Luật BVMT năm 2020 quy định: “*Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, ..., kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường*”

- + Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;
- + Đã đầu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

b) Phương án tính toán mức thu phí:

- Công thức tính phí: được xác định gồm chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung (chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định), không thực hiện áp dụng hệ số phức tạp của dự án theo loại hình sản xuất hoặc quy mô đầu tư (Hệ số K). Mức độ phức tạp của dự án đã được tính toán trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu về thành viên của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Công thức tính phí được đề xuất như sau:

$$\text{Mức thu phí (A)} = A_{tt} + A_{ql}$$

Trong đó:

+ Chi phí trực tiếp (A_{tt}): gồm các khoản chi và mức chi được áp dụng thống nhất và tương tự như đối với hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường; do có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ, vai trò thẩm định và phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra.

+ Chi phí quản lý chung (A_{ql}): được tính bằng 20% chi phí trực tiếp theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính.

- Tính toán mức thu phí đề xuất ban hành chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT:

1. Bố cục:

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí, lệ phí tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân

⁶ Các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29, hoạt động thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Điều khoản thi hành quy định hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

(Theo dự thảo Nghị quyết gửi kèm)

VI. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TẠI NGHỊ QUYẾT:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí, lệ phí tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 18 Phần A quy định thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

Sửa đổi điểm b. Mức thu phí như sau:

- Sửa đổi “*Mức thu phí*”.

Lý do: Trên cơ sở quy trình giải quyết TTHC đã được công bố theo quy định của Luật BVMT năm 2020, tính toán lại mức thu phí theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành.

- Bãi bỏ quy định “*Trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu tại biểu mức trên.*”

Lý do: Theo quy trình giải quyết TTHC đã được công bố, không có quy định về trường hợp thẩm định lại. Các trường hợp xử lý hồ sơ sau họp Hội đồng thẩm định, gồm: (1)-Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; (2)-Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, (3)-Không thông qua (trả hồ sơ).

- Sửa đổi quy định “*Mức thu phí trên chưa bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu công việc thẩm định. Các chi phí này chủ đầu tư chi trả theo thực tế phát sinh.*” như sau: “*Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.*”

Lý do: Đảm bảo tính tương quan với quy định thu phí do cơ quan trung ương thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính: “c) ... Quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định”.

- Bổ sung quy định: “*Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên; thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.*”

Lý do: Theo phân loại dự án đầu tư quy định tại Điều 28 Luật BVMT năm 2020; Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có thể thuộc đồng thời từ 02 nhóm dự án trở lên theo ngành nghề, lĩnh vực được quy định tại biểu mức thu phí. Đồng thời đảm bảo tính tương quan đối với quy định thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định được ban hành tại Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021).

2. Sửa đổi điểm a, b khoản 21 Phần A quy định thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung như sau:

- Sửa đổi tên khoản phí như sau: *“21. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường”*.

Lý do: Không còn TTHC đối với “thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung” theo quy trình giải quyết TTHC đã được công bố.

- Sửa đổi điểm a. Đối tượng nộp phí *“Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định ...”* như sau: *“Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở khai thác khoáng sản khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định....”*.

Lý do: Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ: Chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và được thẩm định trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Chủ cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trường hợp cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường thì buộc lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Sửa đổi điểm b. Mức thu phí như sau:

+ Sửa đổi *“Mức thu phí”*

Lý do: Trên cơ sở quy trình giải quyết TTHC đã được công bố theo quy định của Luật BVMT năm 2020, tính toán lại mức thu phí theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành.

+ Sửa đổi cụm từ *“...thẩm định phương án, phương án bổ sung...”* trong nội dung thu phí như sau: *“...thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường...”*.

Lý do: Đảm bảo tính thống nhất với nội dung sửa đổi tên khoản phí và đối tượng nộp phí của khoản phí này.

+ Sửa đổi quy định *“Mức thu phí trên chưa bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu công việc thẩm định. Các chi phí này chủ đầu tư chi trả theo thực tế phát sinh.”* như sau: *“Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát, kiểm tra thực tế tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chỉ lấy ý kiến,*

bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.”

Lý do: Đảm bảo tính tương quan với quy định thu phí do cơ quan trung ương thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính: “c) ... Quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định”.

3. Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại khoản 22 vào sau khoản 21 Phần A.

Lý do: Là khoản phí mới được bổ sung theo quy định của Luật BVMT năm 2020, do vậy cần thiết phải ban hành bổ sung quy định thu phí áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Lý do: Là khoản phí bãi bỏ theo quy định của Luật BVMT năm 2020, do vậy cần thiết phải ban hành bãi bỏ quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC:

- Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; giao các Sở, Ban, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thực hiện triển khai thi hành và tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

VIII. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT:

- Về thời gian: Nghị quyết phải được ban hành và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Hiệu lực thi hành của Nghị quyết, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 151 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiệu lực thi hành được quy định tại Nghị quyết không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành).

- Về việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Nghị quyết cần phải triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, kịp thời cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố được biết và thực hiện.

- Về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Nghị quyết: cần đẩy mạnh, quy định cụ thể hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của Ủy ban nhân dân.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và quyết định (Gửi kèm theo Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố)./. *Đã*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành Ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HN;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, TNMT,
- Cục Thuế thành phố Hà Nội,
- Kho bạc Nhà nước Hà Nội
- VPUB: CVP, PCVP Đ.Q.Hùng,
- Phòng KTTH, ĐT, TH;
- Lưu: VT, KTTH Luật *AL*

SO

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH ✓

PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Lê Hồng Sơn *LS*

Phụ lục 1.**Tổng hợp kết quả thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong 3 năm (2019-2021)**

(Kèm theo Tờ trình số 173 /TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022
của UBND Thành phố)

I. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường							
Năm	Tổng số phí thu được nộp vào ngân sách (đồng/năm)	Tổng số hồ sơ đủ điều kiện giải quyết (HS/năm)	Tính bình quân số phí thu được (đồng/HS)	Tổng chi cho công tác thẩm định theo quyết toán năm (đồng/năm)	Chi trực tiếp cho Hội đồng thẩm định theo quyết toán năm (đồng/năm)	Chi khác theo quyết toán năm (đồng/năm)	Tính bình quân số chi đã quyết toán năm (đồng/HS)
2019	720.900.000	88	8.192.045	519.049.999	292.500.000	226.549.999	5.898.295
2020	731.400.000	95	7.698.947	529.612.249	292.450.000	237.162.249	5.574.866
2021	456.900.000	58	7.877.586	468.289.469	230.250.000	238.039.469	8.073.956
	636.400.000	80,3	7.922.860	505.650.572	271.733.333	233.917.239	6.515.706
II. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung							
Không có hồ sơ đề nghị thẩm định trong 3 năm vừa qua							
III. Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước							
2019	2.449.500.000	428	5.723.131				
2020	1.660.000.000	283	5.865.724				
2021	1.767.700.000	277	6.381.588				
TB	1.959.066.667	329,3	5.949.185				

Ghi chú: Số chi cho hoạt động thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quyết toán hàng năm theo phương thức quyết toán chung với tất cả các khoản phí khác thuộc thẩm quyền giải quyết Thủ tục hành chính đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Phụ lục 2.

Tính toán mức thu phí đề xuất sửa đổi đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
(Kèm theo Tờ trình số 173 /TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND Thành phố)

Phụ lục 2.1: Hệ số K theo loại hình dự án

TT	Loại hình dự án	Hệ số K
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	0,8
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	1,0
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	1,12
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,15
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	1,2
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	1,25
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	0,8

Hệ số K: được xác định theo đặc điểm loại hình dự án, căn cứ vào quy mô đầu tư của dự án, quy mô tác động, tính chất và mức độ phức tạp của các tác động đến môi trường của dự án. Hệ số K đã được phê duyệt làm cơ sở xây dựng mức thu phí được ban hành tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố và được áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Phụ lục 2.2. Tính toán chi phí cần thiết tương ứng với từng tổng mức đầu tư của dự án (A) thuộc đối tượng dự án nhóm II phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020

(Theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017)

ĐVT: Đồng/hồ sơ

Nội dung chi	Định mức	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ		Căn cứ pháp lý
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1. Chi hội đồng			5.600.000		5.900.000		5.900.000		7.100.000		7.100.000	
- Chủ tịch hội đồng	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	Mục 6 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
- Phó chủ tịch hội đồng	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	
- Ủy viên, thư kí Hội đồng	300.000	5	1.500.000	5	1.500.000	5	1.500.000	7	2.100.000	7	2.100.000	
- Bài nhận xét của UVPB	500.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	
- Bài nhận xét của ủy viên	300.000	5	1.500.000	5	1.500.000	5	1.500.000	7	2.100.000	7	2.100.000	
- Đại biểu tham dự	150.000	2	300.000	4	600.000	4	600.000	4	600.000	4	600.000	
2. Chi khác			1.910.000		2.220.000		2.320.000		2.320.000		2.400.000	
- Văn phòng phẩm			100.000		100.000		100.000		100.000		100.000	Giữ nguyên theo mức chi cũ đã được duyệt tại NQ 06/2020/NQ-HĐND
- Phô tô in ấn tài liệu			250.000		250.000		300.000		300.000		300.000	
- Phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại cho cán bộ giải quyết hồ sơ			300.000		300.000		300.000		300.000		300.000	
- Hỗ trợ điện thoại			100.000		100.000		100.000		100.000		180.000	
- Chi khác			260.000		270.000		270.000		320.000		320.000	
- Thuê Phòng họp			900.000		900.000		900.000		900.000		900.000	
- Máy chiếu, màn chiếu					300.000		300.000		300.000		300.000	

Nội dung chi	Định mức	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ		Căn cứ pháp lý
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
3. Khảo sát thực tế địa điểm thực hiện dự án và khu vực phụ cận hoặc cơ sở có nội dung đầu tư tương tự dự án									3.064.000		3.064.000	
Công khảo sát thực địa của cán bộ chuyên trách	120.000							0	0	0	0	Điều chỉnh theo Mục 6.5 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
Thuê chuyên gia môi trường khảo sát	500.000							2	1.000.000	2	1.000.000	
Thuê xe khảo sát thực tế (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)	24.570							84	2.064.000	84	2.064.000	Điều chỉnh theo Tiết b.2 Mục III Phụ lục 03 kèm theo NQ 09/2017/NQ-HĐND
Tổng kinh phí thẩm định:			7.510.000		8.120.000		8.220.000		12.484.000		12.564.000	

Phụ lục 2.3. Tính toán mức thu phí thẩm định đề xuất sửa đổi đối với dự án đầu tư nhóm II thuộc đối tượng phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020

Nhóm Dự án	Mức thu phí theo tổng vốn đầu tư của Dự án (nghìn đồng/hồ sơ)										
	Hệ số K	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ	
		Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	0,8	6.008	6.000	6.496	6.500	6.576	6.600	9.987	10.000	10.051	10.100
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	1,0	7.510	7.500	8.120	8.100	8.220	8.200	12.484	12.500	12.564	12.600
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	1,12	8.411	8.400	9.094	9.100	9.206	9.200	13.982	14.000	14.072	14.100
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,15	8.637	8.600	9.338	9.300	9.453	9.500	14.356	14.400	14.448	14.500
Nhóm 5: Dự án giao thông	1,20	9.012	9.000	9.744	9.700	9.864	9.900	14.981	15.000	15.077	15.100
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	1,25	9.388	9.400	10.150	10.200	10.275	10.300	15.605	15.600	15.705	15.700
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	0,8	6.008	6.000	6.496	6.500	6.576	6.600	9.987	10.000	10.051	10.100

Phụ lục 2.4. Đối chiếu, so sánh mức thu phí đề xuất sửa đổi với mức thu phí đã ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố

ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ		Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng mức đầu tư > 500 tỷ	
	Theo NQ số 06/2020/NQ- HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ- HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/N Q-HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ -HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ- HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,0	5,2	6,5	5,4	6,6	6,0	10,0	6,8	10,1
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,0	7,5	6,5	8,1	6,7	8,2	7,5	12,5	8,5	12,6
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,7	8,4	7,3	9,1	7,5	9,2	8,5	14,0	9,5	14,1
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	8,6	7,5	9,3	7,7	9,5	8,6	14,4	9,8	14,5
Nhóm 5: Dự án giao thông	7,2	9,0	7,8	9,7	8,0	9,9	9,0	15,0	10,0	15,1
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	7,5	9,4	8,0	10,2	8,4	10,3	9,5	15,6	11,0	15,7
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	5,2	6,5	5,4	6,6	6,0	10,0	6,8	10,1

Phụ lục 3.

Tính toán mức thu phí đề xuất sửa đổi đối với phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, so sánh với mức thu phí ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố
(Kèm theo Tờ trình số 173 /TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

Nội dung chi	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội Đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế						Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội Đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa					
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi			Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi		
	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền
1. Chi hội đồng			3.350.000			5.600.000			4.220.000			7.100.000
- Chủ tịch hội đồng	300.000	1	300.000	700.000	1	700.000	300.000	1	300.000	700.000	1	700.000
- Phó chủ tịch hội đồng	250.000	1	250.000	600.000	1	600.000	250.000	1	250.000	600.000	1	600.000
- Ủy viên, thư kí	200.000	3	600.000	300.000	3	900.000	200.000	5	1.000.000	300.000	5	1.500.000
- Ủy viên phản biện	400.000	2	800.000	300.000	2	600.000	400.000	2	800.000	300.000	2	600.000
- Bài nhận xét của UVPB				500.000	2	1.000.000				500.000	2	1.000.000
- Bài nhận xét của ủy viên	200.000	7	1.400.000	300.000	5	1.500.000	200.000	9	1.800.000	300.000	7	2.100.000
- Đại biểu tham dự				150.000	2	300.000	70.000	1	70.000	150.000	4	600.000
2. Chi khác			1.710.000			1.710.000			2.170.000			2.320.000
- Văn phòng phẩm			100.000			100.000			100.000			100.000
- Phô tô in ấn tài liệu			250.000			250.000			300.000			300.000
- Phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại cho cán bộ giải quyết hồ sơ			200.000			200.000			250.000			250.000

Nội dung chi	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội Đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế						Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội Đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa					
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi			Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi		
	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền
- Hỗ trợ điện thoại			100.000			100.000			100.000			250.000
- Chi khác			160.000			160.000			270.000			270.000
- Thuê Phòng họp			900.000			900.000			900.000			900.000
- Máy chiếu, màn chiếu									250.000			250.000
3. Khảo sát thực tế địa điểm thực hiện dự án hoặc cơ sở									1.620.000			3.653.560
Công khảo sát thực địa cán bộ chuyên trách							120.000	1	120.000	0		
Thuê chuyên gia môi trường khảo sát							250.000	2	500.000	500.000	2	1.000.000
Thuê xe khảo sát thực tế (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)							1.000.000	1	1.000.000	24.570	108	2.653.560
Tổng phí thẩm định:			5.060.000			7.310.000			8.010.000			13.073.000
Nộp ngân sách (10%)			506.000			0			800.000			0
Tổng:			5.566.000			7.300.000			8.810.000			13.073.000
Làm tròn			5.600.000			7.300.000			8.800.000			13.100.000

Phụ lục 4.

Tính toán mức thu phí đề xuất ban hành đối với phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường
(Kèm theo Tờ trình số 173 /TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND Thành phố)

Phụ lục 4.1. Tính toán mức thu phí

Đơn vị tính: x 1.000 Đồng/Hồ sơ

Đơn vị tính: 1.000 Đồng/Hồ sơ

STT	Phân loại Dự án/cơ sở	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số phí thẩm định phải nộp (UBND Thành phố)			Số phí thẩm định phải nộp (UBND cấp huyện)			Căn cứ pháp lý / Ghi chú
				Khối lượng	Mức chi (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)	Khối lượng	Mức chi (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)	
I	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường									
1	Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt Kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Chi phí trực tiếp (Att)				6.600				
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020 (trong trường hợp cần thiết)	bài nx	2	500	1.000				Mục 3 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ- UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (tối thiểu 05 thành viên, có quyết định thành lập)				5.600				Số lượng thành viên phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên Tổ thẩm định				1.900				Mục 6.5 và 6.6 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (ủy viên phản biện)	bài nx	2	500	1.000				
		- Thành viên	bài nx	3	300	900				
		Chi cho họp thẩm định				2.500				Áp mức chi cho Hội đồng thẩm định ĐTM theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND

		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700				Mục 6.1
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600				Mục 6.2
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900				Mục 6.3
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	2	150	300				Mục 6.4
		Lấy ý kiến nhận xét trong trường hợp chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (không quá 03 ý kiến)				1.200				Mục 6.7
		- Chuyên gia mời	bài nx	3	400	1.200				
		Chi phí quản lý chung ($Aql = Att \times 20\%$)	20%			1.320				Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định ($A = Att + Aql$)				7.920				
		Làm tròn				7.950				
		Bảng chữ:	Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng							
2	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM	Chi phí trực tiếp (Att)				11.164			5.937	
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án (thành viên tối thiểu 07 người cấp thành phố, tối thiểu 05 người cấp huyện)				3.064			1.437	Tổ chức Đoàn kiểm tra trong trường hợp cơ sở đang hoạt động (số lượng thành viên tùy thuộc vào từng dự án cụ thể)
		<i>Chi xăng xe (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, đối với cấp thành phố và 30 km đối với cấp huyện) (giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)</i>	lít	84	25	2.064	30	25	737	Tiết b.2 Mục III Phụ lục 03 kèm theo NQ 09/2017/NQ-HĐND

		Chi thuê chuyên gia tham gia khảo sát	người/buổi	2	500	1.000	2	350	700	Mục 6.5 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (tối thiểu 07 người cấp thành phố, tối thiểu 05 người cấp huyện, có quyết định thành lập)				7.100			3.800	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định				2.500			1.300	
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	2	350	700	
		- Thành viên	bài nx	5	300	1.500	3	200	600	
		Chi cho họp thẩm định				3.400			1.900	
		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700	1	500	500	
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600	1	400	400	
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	5	300	1.500	3	200	600	
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	4	150	600	4	100	400	
		Lấy ý kiến nhận xét trong trường hợp chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (không quá 03 ý kiến)				1.200			600	
		- Chuyên gia mời	bài nx	3	400	1.200	2	300	600	
		Chi phí quản lý chung ($Aql = Att \times 20\%$)		20%		2.233			1.187	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định ($A = Att + Aql$)				13.397			7.125	
		Làm tròn				13.400			7.200	
		Bảng chữ:	Mười ba triệu bốn trăm				Bảy triệu hai trăm ngàn đồng			

II		Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường								
1	Dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện điều chỉnh GPMT	Chi phí trực tiếp (A)				5.700			2.750	
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (không quá 05 thành viên đối với cấp thành phố, không quá 03 thành viên đối với cấp huyện, có quyết định thành lập)				4.700			2.050	Số lượng thành viên phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên tham gia Tổ thẩm định				1.900			750	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	1	350	350	
		- Thành viên	bài nx	3	300	900	2	200	400	
		Chi cho họp thẩm định				2.800			1.300	
		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700	1	500	500	
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600	0		0	
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900	2	200	400	
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	4	150	600	4	100	400	
		Chi phí quản lý chung (Aql = Att x 20%)	20%			1.140			550	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định (A = Att + Aql)				6.850			3.300	
		Làm tròn				6.850			3.300	
		Bằng chữ:	Sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng				Ba triệu ba trăm ngàn đồng			

Phụ lục 4.2. Tổng hợp đề xuất ban hành mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

Đơn vị tính: x 1.000 Đồng/Hồ sơ

TT	Nội dung thu phí	Thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường		Mức thu phí (*1.000 đồng/1 hồ sơ)		Ghi chú
				Cấp Thành phố	Cấp huyện	
I	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường					
1	Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	UBND Thành phố		7.950		Quan trắc, lấy mẫu và phân tích thực hiện trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình
2	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	UBND Thành phố	UBND cấp huyện	13.400	7.200	
II	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường					
1	Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường	UBND Thành phố	UBND cấp huyện	6.850	3.300	Thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4
III	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với trường hợp (quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP' ngày 10/01/2022):					
1	- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	UBND Thành phố	UBND cấp huyện	4.200	2.900	Thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4

Số: /2022/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí
trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng
nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 7 năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND Thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020; Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày tháng năm 2022

của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí, lệ phí tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 18 Phần A quy định thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

“b. Mức thu phí:

Đơn vị thu: Đồng/hồ sơ

TT	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	7.500.000	8.100.000	8.200.000	12.500.000	12.600.000
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	8.400.000	9.100.000	9.200.000	14.000.000	14.100.000
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8.600.000	9.300.000	9.500.000	14.400.000	14.500.000
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	9.000.000	9.700.000	9.900.000	15.000.000	15.100.000
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	9.400.000	10.200.000	10.300.000	15.600.000	15.700.000
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

- Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên; thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.”

2. Sửa đổi điểm a, b khoản 21 Phần A quy định thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung như sau:

“21. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở khai thác khoáng sản khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

b. Mức thu phí:

- Đối với trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường): 7.300.000 đồng.

- Đối với trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định: 13.100.000 đồng.

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát, kiểm tra thực tế tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.”

3. Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại khoản 22 vào sau khoản 21 Phần A như sau:

“22. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

a. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thị xã.

b. Mức thu phí:

Đơn vị thu: Đồng/hồ sơ

TT	Nội dung thu phí	Thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố	Thẩm quyền cấp phép của UBND các quận, huyện, thị xã
1	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường		
	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	7.950.000	

	- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	13.400.000	7.200.000
2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	6.850.000	3.300.000
3	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đã đấu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	4.200.000	2.900.000

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở, tại địa điểm thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

c. Tổ chức thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (theo thẩm quyền giải quyết Thủ tục hành chính)

d. Quản lý sử dụng:

Tổ chức thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành. Chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.”

Điều 2. Bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, nếu có khó khăn vướng mắc Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để giải quyết theo thẩm quyền.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Tổng cục Thuế;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đoàn ĐB Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng TU, VPTU;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT TP, Công báo TP;
- Trang web của HĐND TP;
- Lưu: VT.

Nguyễn Ngọc Tuấn

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LN: CỤC THUẾ - SỞ TNMT
Số: 28438/TT-LN: CTHN-TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH BỔ SUNG

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Căn cứ quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; văn bản số 1009/STP-VBPQ ngày 28/4/2022 của Sở Tư pháp hướng dẫn quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ngày 03/6/2022, Liên ngành các Sở: Tài nguyên và Môi trường - Cục thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội đã có Tờ trình liên ngành số 3861/TT-LN: TNMT-CTHN-TC- KBNN trình Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết “về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.”

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố thường kỳ tháng 6 năm 2022 (ngày 09/6/2022), ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 138/BC-STP ngày 9/6/2022, tiếp thu các ý kiến góp ý và giải trình ý kiến tham vấn của Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố Hà Nội tại văn bản số 1796/MTTQ-BTT ngày 07/6/2022;

Liên ngành: Cục thuế thành phố Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và Dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Về tên gọi của Nghị quyết:

Sửa đổi như sau: Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Lý do: bỏ cụm từ “của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội” để đảm bảo tên gọi của Nghị quyết được ngắn gọn nhưng vẫn thể hiện đầy đủ nội dung đề nghị ban hành của Nghị quyết.



2. Về hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết:

Liên ngành đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 (có Hồ sơ kèm theo).

Việc đề xuất xây dựng dự thảo Nghị quyết đã được thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

Liên ngành kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, có Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố (đính kèm) để làm cơ sở gửi các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp giữa năm 2022./.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Mai Trọng Thái

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI



CỤC TRƯỞNG
Mai Sơn

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT TT UBNDTP Lê Hồng Sơn (để b/cáo);
- PCT UBNDTP Hà Minh Hải (để b/cáo);
- Các Sở: Tài chính, Tư Pháp;
- Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, CTHN. (9,6) *ru*



BẢN THUYẾT MINH

Đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020

(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 28438 /TTrLN:CTHN-TNMT ngày 17/6/2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)

Ngày 17/11/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (sau đây gọi tắt là Luật BVMT), có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;

Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BVMT. Theo đó, Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 và được UBND Thành phố công bố tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022.

Ngày 26/11/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Do vậy, một số khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

Căn cứ quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 và kết quả rà soát tình hình thực hiện và quản lý các khoản phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; báo cáo đánh giá của Bộ phận thường trực triển khai Luật Phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội (BPTT), các đề án thu phí của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu phí đối với các hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Liên ngành đã xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình UBND Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 24/5/2022 và Báo cáo thuyết minh trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố tại Văn bản số 97/HĐND-KTNS ngày 31/5/2022.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham vấn tại văn bản số 1796/MTTQ-BTT ngày 07/6/2022 của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội và ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 138/BC-STP ngày 09/6/2022 của Sở Tư pháp; các đề án thu phí của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và báo cáo đánh giá của BPTT, Liên ngành: Cục thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết trình UBND Thành phố xem xét, có Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 đối với 04 khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường nêu trên.

Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND Thành phố như sau:

1. Căn cứ ban hành Nghị quyết:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Và các văn bản pháp luật liên quan khác.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

2.1. Phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020:

Theo quy định của Luật BVMT năm 2020, một số khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định tại Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí có sự sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; cụ thể như sau:

- Tại khoản 4 Điều 169 Luật BVMT năm 2020 quy định: “4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14”, cụ thể là: a) Sửa đổi, bổ sung điểm 1.4 Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (bỏ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết); b) Bổ sung điểm 1.6 (Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường) và sau điểm 1.5; c) Bãi bỏ điểm 5.4, điểm 6.3 và tiêu mục 9 (thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh là điểm 5.4 Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi).

- Theo Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được công bố, đã ban hành 02 TTHC thay thế gồm “Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường” và “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản”, không còn TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”.

- Theo Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019, đã quy định sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều có liên quan đến các khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí (đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Luật BVMT năm 2020).

Do vậy, một số khoản phí được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2. Phù hợp với tình hình thực tiễn của Thủ đô:

a) Tình hình thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố, trong thời gian qua tổ chức thu phí (Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị khác) đã thực hiện thu phí và nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm đối với 03 khoản phí, gồm: (1)- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mức thu từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 11.000.000 đồng/hồ sơ); (2)- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (theo 02 mức thu là

5.600.000 đồng/hồ sơ và 8.800.000 đồng/hồ sơ); (3)- Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (mức thu từ 5.000.000 đồng/đề án đến 9.000.000 đồng/đề án).

Trong 3 năm (2019, 2020, 2021), tổng số phí thu được bình quân đạt 2.595.466.667 đồng/năm, trong đó thu từ hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là 636.400.000 đồng/năm, bình quân 7.922.860 đồng/hồ sơ; thu từ hoạt động thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước (cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước) là 1.959.066.667 đồng/năm, bình quân 5.949.185 đồng/hồ sơ và không có hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án khai thác khoáng sản.

b) Một số vấn đề thực tiễn:

- Trong quá trình giải quyết TTHC theo quy định; một số hoạt động thẩm định chưa có kinh phí để chi trả như: thù lao viết bài nhận xét của thành viên hội đồng, ủy viên phản biện sau thẩm định (nhận xét lại); chi phí trả, nước phát sinh khi phục vụ cuộc họp; chi tiền chuyển hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự, chi thư tín, liên lạc;....

- Các mức thu phí của 02 khoản phí, gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, chưa có sự điều chỉnh mức thu cho phù hợp với quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành. Hiện nay, các mức chi cho hoạt động thẩm định đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường¹ và chi theo thực tế. Tuy nhiên, căn cứ xây dựng các mức thu phí của 02 khoản phí này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường², đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

Theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC, các mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định được điều chỉnh tăng trung bình hơn 2 lần, dẫn tới tổng chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định thực tế sẽ tăng thêm bình quân 2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần thẩm định (trong trường hợp họp đủ số thành viên theo quy định) và tăng trung bình năm khoảng 23,2%/năm.

¹ Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021) và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 của Bộ Tài chính; các khoản chi liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định, mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

² Mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố, mức thu phí của phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố. Các mức thu phí đã được tiếp tục áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

- Tham khảo mức thu phí đã được ban hành tại một số tỉnh, thành phố khác cho thấy, các mức thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội còn thấp, chưa bằng 50% so với mức thu phí của một số tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Thuận, Kiên Giang³.... Với mức thu chưa tương xứng, sẽ gây khó khăn trong công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội.

Như vậy, 02 khoản phí, gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố, cần thiết phải được sửa đổi mức thu phí cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Tuy nhiên, việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần thiết không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật BVMT; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

Do vậy, cần thiết phải ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định thu phí đối với một số khoản phí đã được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố hiện không còn phù hợp, để đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên và đặc điểm thực tế của Thành phố Hà Nội.

Nội dung cụ thể như sau:

- Sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (bỏ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết). Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, không quy định thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Do vậy, đề xuất sửa đổi mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*không sửa đổi tên khoản phí và đối tượng nộp phí*).

- Sửa đổi phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. Do không còn TTHC đối với đối tượng “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”, đề xuất sửa đổi tên khoản phí, đối tượng nộp phí và mức thu phí.

- Bổ sung phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; là khoản phí mới được ban hành theo quy định của Luật BVMT năm 2020. Đề xuất ban hành quy định thu phí đối với khoản phí này, gồm: tên khoản phí, mức thu phí, đối tượng nộp phí, tổ chức thu phí, quản lý và sử dụng phí.

³ - Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Đà Nẵng (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 32.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ).

- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Đà Nẵng (13.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 15.600.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 10.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (20.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Thuận (từ 4.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ); Nghệ An (12.900.000 đồng/hồ sơ).

- Bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là giấy phép thành phần của giấy phép môi trường theo điểm d khoản 2 Điều 42 Luật BVMT năm 2020.

Việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, có Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và ban hành Nghị quyết là cần thiết, đúng thẩm quyền, để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của Thủ đô Hà Nội và phải được triển khai thực hiện theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

3.1. Đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết bao gồm:

- Các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

3.2. Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

Nghị quyết đề nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

4. Xây dựng mức thu phí

4.1. Các khoản chi cho hoạt động thẩm định:

- Chi phí trực tiếp: là các khoản chi cho hoạt động thẩm định (tính theo từng hồ sơ đề nghị thẩm định), gồm: tổ chức họp Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra, tiến hành khảo sát hoặc kiểm tra thực tế tại địa điểm dự kiến triển khai Dự án, địa điểm cơ sở (theo các mức chi trong ngày); lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, chuyên gia theo quy định của Luật BVMT năm 2020; không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

- Chi phí khác: là chi phí quản lý chung của cơ quan thường trực thẩm định (theo chi phí năm), gồm: chi phí văn phòng phẩm, photo, in ấn tài liệu, thông tin liên lạc và bưu chính thư tín với các cơ quan có liên quan; khấu hao tài sản, máy móc, thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác thẩm định, chi điện nước phục vụ hội nghị và các chi phí khác;....

Căn cứ vào quy trình giải quyết TTHC được công bố theo quy định của Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các mức thu phí được tính toán là khoản thu đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết cho hoạt động thẩm định, đảm bảo nguyên tắc xác định mức thu phí và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý tài chính và ngân sách.

4.2. Phương án xây dựng mức thu phí:

4.2.1. Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

a) Công thức tính phí:

Áp dụng công thức tính phí đã được chấp thuận để xây dựng và ban hành mức thu phí tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố (nay là Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020); cụ thể như sau:

$$\text{Mức thu phí} = K \times A$$

Trong đó

- **Giá trị A:** Chi phí cần thiết (chi phí trực tiếp và chi phí khác) cho hoạt động thẩm định tương ứng với từng tổng mức đầu tư của dự án, được chia thành 5 mức với mục đích xác định quy mô của dự án.

- **Hệ số K:** Đặc điểm loại hình dự án; xác định tính chất, mức độ phức tạp của các tác động lên môi trường của dự án.

b) Phương án sửa đổi mức thu phí:

Đề xuất sửa đổi mức thu phí theo phương án tính toán lại chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định (tính lại giá trị A) theo các mức chi hiện hành về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các khoản chi khác theo thực tế; không thực hiện điều chỉnh Hệ số K (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*)

4.2.2. Đối với phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

Đề xuất sửa đổi mức thu phí theo phương án tính toán lại chi phí cần thiết (chi phí trực tiếp và chi phí khác) cho hoạt động thẩm định trên cơ sở các nội dung chi đã xây dựng để tính mức thu phí được ban hành tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố (nay là Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020); thực hiện điều chỉnh các mức chi cho hoạt động thẩm định theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành và các khoản chi khác theo thực tế (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

4.2.3. Đối với phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

a) Xác định nội dung thu phí:

Xác định các nội dung thu phí của phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo loại hình dự án đầu tư, cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường⁴, cụ thể là:

- Cấp, cấp lại giấy phép môi trường:

⁴ - Theo trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường được quy định cho các trường hợp: (1)-Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (2)- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; (3)- Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Theo khoản 2 Điều 171 Luật BVMT năm 2020 quy định: "Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, ..., kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường"

+ Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ Dự án đầu tư, cơ sở không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc trường hợp⁵:

+ Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Đã đầu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

b) Phương án tính toán mức thu phí:

- Công thức tính phí: được xác định gồm chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung (chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định), không thực hiện áp dụng hệ số phức tạp của dự án theo loại hình sản xuất hoặc quy mô đầu tư (Hệ số K). Mức độ phức tạp của dự án đã được tính toán trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu về thành viên của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Công thức tính phí được đề xuất như sau:

$$\text{Mức thu phí (A)} = A_{tt} + A_{ql}$$

Trong đó:

+ Chi phí trực tiếp (A_{tt}): gồm các khoản chi và mức chi được áp dụng thống nhất và tương tự như đối với hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường; do có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ, vai trò thẩm định và phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra.

+ Chi phí quản lý chung (A_{ql}): được tính bằng 20% chi phí trực tiếp theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính.

- Tính toán mức thu phí đề xuất ban hành chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo.

5. Bố cục và nội dung của Nghị quyết:

5.1. Bố cục:

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều:

⁵ Các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29, hoạt động thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí, lệ phí tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Điều khoản thi hành quy định hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

5.2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

(Theo dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo)

6. Các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Nghị quyết:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí, lệ phí tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 18 Phần A quy định thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

Sửa đổi điểm b. Mức thu phí như sau:

- Sửa đổi “*Mức thu phí*”.

Lý do: Trên cơ sở quy trình giải quyết TTHC đã được công bố theo quy định của Luật BVMT năm 2020, tính toán lại mức thu phí theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành.

- Bãi bỏ quy định “*Trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu tại biểu mức trên.*”

Lý do: Theo quy trình giải quyết TTHC của Luật BVMT năm 2020, không có quy định về trường hợp thẩm định lại. Các trường hợp xử lý hồ sơ sau họp Hội đồng thẩm định, gồm: (1)-Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; (2)-Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, (3)-Không thông qua (trả hồ sơ).

- Sửa đổi quy định “*Mức thu phí trên chưa bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu công việc thẩm định. Các chi phí này chủ đầu tư chi trả theo thực tế phát sinh.*” như sau: “*Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.*”

Lý do: Để đảm bảo tính tương quan với quy định thu phí do cơ quan trung ương thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính: “c) ... *Quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định*”.

- Bổ sung quy định: “*Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên; thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.*”

Lý do: Theo phân loại dự án đầu tư quy định tại Điều 28 Luật BVMT năm 2020; Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có thể thuộc đồng thời từ 02 nhóm dự án trở lên theo ngành nghề, lĩnh vực được quy định tại biểu mức thu phí. Đồng thời đảm bảo tính tương quan đối với quy định thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định được ban hành tại Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021).

2. Sửa đổi điểm a, b khoản 21 Phần A quy định thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung như sau:

- Sửa đổi tên khoản phí như sau: “*Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường*”.

Lý do: Không còn TTHC đối với “thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung” theo quy trình giải quyết TTHC đã được công bố.

- Sửa đổi điểm a. Đối tượng nộp phí “*Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định ...*” như sau: “*Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở khai thác khoáng sản khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định....*”.

Lý do: Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ: Chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và được thẩm định trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Chủ cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trường hợp cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường thì buộc lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Sửa đổi điểm b. Mức thu phí như sau:

+ Sửa đổi “*Mức thu phí*”

Lý do: Trên cơ sở quy trình giải quyết TTHC đã được công bố theo quy định của Luật BVMT năm 2020, tính toán lại mức thu phí theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành.

+ Sửa đổi cụm từ “...*thẩm định phương án, phương án bổ sung...*” trong nội dung thu phí như sau: “...*thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường...*”.

Lý do: Để đảm bảo tính thống nhất với nội dung sửa đổi tên khoản phí và đối tượng nộp phí của khoản phí này.

+ Sửa đổi quy định “*Mức thu phí trên chưa bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu công việc thẩm định. Các chi phí này chủ đầu tư chi trả theo thực tế phát sinh.*” như sau: “*Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát, kiểm tra thực tế tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bàn nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.*”

Lý do: đảm bảo tính tương quan với quy định thu phí do cơ quan trung ương thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính: “c) ... *Quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định*”.

3. Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại khoản 22 vào sau khoản 21 Phần A.

Lý do: Là khoản phí mới được bổ sung theo quy định của Luật BVMT năm 2020, do vậy cần thiết phải ban hành bổ sung quy định thu phí áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Lý do: Là khoản phí bãi bỏ theo quy định của Luật BVMT năm 2020, do vậy cần thiết phải ban hành bãi bỏ quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội.

7. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết:

- Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện xây dựng đề án và lấy ý kiến tham vấn BPTT; đã hoàn thiện đề án sau khi có các ý kiến tham gia. Liên ngành các Sở: Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Tư pháp - Kho bạc đã có Tờ trình và dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình UBND Thành phố (Tờ trình liên ngành số 2459/TTrLN: TNMT-CTHN-TC-TP-KBNN ngày 20/4/2022).

- Liên ngành các Sở: Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Tư pháp - Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Báo cáo thuyết minh của UBND Thành phố. UBND Thành phố đã có Tờ trình gửi Thường trực HĐND Thành phố về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết (Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 24/5/2022).

- Sau khi Thường trực HĐND Thành phố chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết (văn bản số 97/HĐND-KTNS ngày 31/5/2022), Sở Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo Hồ sơ đề nghị ban hành nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 3331/STNMT-CCBVM ngày 17/5/2022, gửi Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện đăng tải công khai toàn văn dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trên Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội từ ngày 20/5/2022.

- Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của Sở, Ban, Ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các doanh nghiệp (đối tượng chịu tác động trực tiếp), Liên ngành các Sở: Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết trình UBND Thành phố (Tờ trình liên ngành số 3861/TTrLN: TNMT-CTHN-TC- KBNN ngày 03/6/2022); Sở Tài nguyên và Môi trường đã có công văn gửi Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội lấy ý kiến tham vấn, gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến tham vấn của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội, Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố theo quy định.

8. Thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua và hiệu lực thi hành:

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

9. Dự kiến nguồn lực:

- UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; giao các Sở, Ban, Ngành liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện triển khai thi hành và tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

- Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

10. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành nghị quyết:

- Về thời gian: Nghị quyết phải được ban hành và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Hiệu lực thi hành của Nghị quyết, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 151 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiệu lực thi hành được quy định tại Nghị quyết không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành).

- Về việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Nghị quyết cần phải triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, kịp thời cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố được biết và thực hiện.

- Về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Nghị quyết: cần đẩy mạnh, quy định cụ thể hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của Ủy ban nhân dân.

Trên đây là Bản thuyết minh đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; Liên ngành kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và quyết định./.

Phụ lục 1.
Tính toán mức thu phí đề xuất sửa đổi đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Phụ lục 1.1: Hệ số K theo loại hình dự án

TT	Loại hình dự án	Hệ số K
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	0,8
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	1,0
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	1,12
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,15
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	1,2
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	1,25
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	0,8

Hệ số K: được xác định theo đặc điểm loại hình dự án, căn cứ vào quy mô đầu tư của dự án, quy mô tác động, tính chất và mức độ phức tạp của các tác động đến môi trường của dự án. Hệ số K đã được phê duyệt làm cơ sở xây dựng mức thu phí được ban hành tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố và được áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Phụ lục 1.2. Tính toán chi phí cần thiết tương ứng với từng tổng mức đầu tư của dự án (A) thuộc đối tượng dự án nhóm II phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020

ĐVT: Đồng/hồ sơ

Nội dung chi	Định mức	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ		Căn cứ pháp lý
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1. Chi hội đồng			5.600.000		5.900.000		5.900.000		7.100.000		7.100.000	
- Chủ tịch hội đồng	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	Mục 6 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
- Phó chủ tịch hội đồng	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	
- Ủy viên, thư kí Hội đồng	300.000	5	1.500.000	5	1.500.000	5	1.500.000	7	2.100.000	7	2.100.000	
- Bài nhận xét của UVPB	500.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	
- Bài nhận xét của ủy viên	300.000	5	1.500.000	5	1.500.000	5	1.500.000	7	2.100.000	7	2.100.000	
- Đại biểu tham dự	150.000	2	300.000	4	600.000	4	600.000	4	600.000	4	600.000	
2. Chi khác			1.910.000		2.220.000		2.320.000		2.320.000		2.400.000	
- Văn phòng phẩm			100.000		100.000		100.000		100.000		100.000	Giữ nguyên theo mức chi cũ đã được duyệt tại NQ 06/2020/NQ-HĐND
- Phô tô in ấn tài liệu			250.000		250.000		300.000		300.000		300.000	
- Phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại cho cán bộ giải quyết hồ sơ			300.000		300.000		300.000		300.000		300.000	
- Hỗ trợ điện thoại			100.000		100.000		100.000		100.000		180.000	
- Chi khác			260.000		270.000		270.000		320.000		320.000	
- Thuê Phòng họp			900.000		900.000		900.000		900.000		900.000	
- Máy chiếu, màn chiếu					300.000		300.000		300.000		300.000	

Nội dung chi	Định mức	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ		Căn cứ pháp lý
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
3. Khảo sát thực tế địa điểm thực hiện dự án và khu vực phụ cận hoặc cơ sở có nội dung đầu tư tương tự dự án									3.064.000		3.064.000	
Công khảo sát thực địa của cán bộ chuyên trách	120.000							0	0	0	0	Điều chỉnh theo Mục 6.5 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
Thuê chuyên gia môi trường khảo sát	500.000							2	1.000.000	2	1.000.000	
Thuê xe khảo sát thực tế (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)	24.570							84	2.064.000	84	2.064.000	Điều chỉnh theo Tiết b.2 Mục III Phụ lục 03 kèm theo NQ 09/2017/NQ-HĐND
Tổng kinh phí thẩm định:			7.510.000		8.120.000		8.220.000		12.484.000		12.564.000	

Phụ lục 1.3. Tính toán mức thu phí thẩm định đề xuất sửa đổi đối với dự án đầu tư nhóm II thuộc đối tượng phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020

Nhóm Dự án	Mức thu phí theo tổng vốn đầu tư của Dự án (nghìn đồng/hồ sơ)										
	Hệ số K	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ	
		Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	0,8	6.008	6.000	6.496	6.500	6.576	6.600	9.987	10.000	10.051	10.100
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	1,0	7.510	7.500	8.120	8.100	8.220	8.200	12.484	12.500	12.564	12.600
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	1,12	8.411	8.400	9.094	9.100	9.206	9.200	13.982	14.000	14.072	14.100
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,15	8.637	8.600	9.338	9.300	9.453	9.500	14.356	14.400	14.448	14.500
Nhóm 5: Dự án giao thông	1,20	9.012	9.000	9.744	9.700	9.864	9.900	14.981	15.000	15.077	15.100
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	1,25	9.388	9.400	10.150	10.200	10.275	10.300	15.605	15.600	15.705	15.700
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	0,8	6.008	6.000	6.496	6.500	6.576	6.600	9.987	10.000	10.051	10.100

**Phụ lục 1.4. Đối chiếu, so sánh mức thu phí đề xuất sửa đổi với mức thu phí
đã ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố**

ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ		Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng mức đầu tư > 500 tỷ	
	Theo NQ số 06/2020/NQ -HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ -HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ -HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ -HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ- HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,0	5,2	6,5	5,4	6,6	6,0	10,0	6,8	10,1
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,0	7,5	6,5	8,1	6,7	8,2	7,5	12,5	8,5	12,6
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,7	8,4	7,3	9,1	7,5	9,2	8,5	14,0	9,5	14,1
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	8,6	7,5	9,3	7,7	9,5	8,6	14,4	9,8	14,5
Nhóm 5: Dự án giao thông	7,2	9,0	7,8	9,7	8,0	9,9	9,0	15,0	10,0	15,1
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	7,5	9,4	8,0	10,2	8,4	10,3	9,5	15,6	11,0	15,7
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	5,2	6,5	5,4	6,6	6,0	10,0	6,8	10,1

Phụ lục 2.

Tính toán mức thu phí đề xuất sửa đổi đối với phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, so sánh với mức thu phí ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

Nội dung chi	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội Đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế						Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội Đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa					
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi			Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi		
	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền
1. Chi hội đồng			3.350.000			5.600.000			4.220.000			7.100.000
- Chủ tịch hội đồng	300.000	1	300.000	700.000	1	700.000	300.000	1	300.000	700.000	1	700.000
- Phó chủ tịch hội đồng	250.000	1	250.000	600.000	1	600.000	250.000	1	250.000	600.000	1	600.000
- Ủy viên, thư kí	200.000	3	600.000	300.000	3	900.000	200.000	5	1.000.000	300.000	5	1.500.000
- Ủy viên phản biện	400.000	2	800.000	300.000	2	600.000	400.000	2	800.000	300.000	2	600.000
- Bài nhận xét của UVPB				500.000	2	1.000.000				500.000	2	1.000.000
- Bài nhận xét của ủy viên	200.000	7	1.400.000	300.000	5	1.500.000	200.000	9	1.800.000	300.000	7	2.100.000
- Đại biểu tham dự				150.000	2	300.000	70.000	1	70.000	150.000	4	600.000
2. Chi khác			1.710.000			1.710.000			2.170.000			2.320.000
- Văn phòng phẩm			100.000			100.000			100.000			100.000
- Phô tô in ấn tài liệu			250.000			250.000			300.000			300.000
- Phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại cho cán bộ giải quyết hồ sơ			200.000			200.000			250.000			250.000

Nội dung chi	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội Đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế						Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội Đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa					
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi			Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi		
	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền
- Hỗ trợ điện thoại			100.000			100.000			100.000			250.000
- Chi khác			160.000			160.000			270.000			270.000
- Thuê Phòng họp			900.000			900.000			900.000			900.000
- Máy chiếu, màn chiếu									250.000			250.000
3. Khảo sát thực tế địa điểm thực hiện dự án hoặc cơ sở									1.620.000			3.653.560
Công khảo sát thực địa cán bộ chuyên trách							120.000	1	120.000	0		
Thuê chuyên gia môi trường khảo sát							250.000	2	500.000	500.000	2	1.000.000
Thuê xe khảo sát thực tế (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)							1.000.000	1	1.000.000	24.570	108	2.653.560
Tổng phí thẩm định:			5.060.000			7.310.000			8.010.000			13.073.000
Nộp ngân sách (10%)			506.000			0			800.000			0
Tổng:			5.566.000			7.300.000			8.810.000			13.073.000
Làm tròn			5.600.000			7.300.000			8.800.000			13.100.000

Phụ lục 3.

Tính toán mức thu phí đề xuất ban hành đối với phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

Phụ lục 3.1. Tính toán mức thu phí

Đơn vị tính: x 1.000 Đồng/Hồ sơ

STT	Phân loại Dự án/cơ sở	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số phí thẩm định phải nộp (UBND Thành phố)			Số phí thẩm định phải nộp (UBND cấp huyện)			Căn cứ pháp lý / Ghi chú
				Khối lượng	Mức chi (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)	Khối lượng	Mức chi (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)	
I	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường									
1	Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt Kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Chi phí trực tiếp (Att)				6.600				
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020 (trong trường hợp cần thiết)	bài nx	2	500	1.000				Mục 3 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ- UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (tối thiểu 05 thành viên, có quyết định thành lập)				5.600				Số lượng thành viên phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên Tổ thẩm định				1.900				Mục 6.5 và 6.6 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (ủy viên phản biện)	bài nx	2	500	1.000				
		- Thành viên	bài nx	3	300	900				
		Chi cho họp thẩm định				2.500				Áp mức chi cho Hội đồng thẩm định ĐTM theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND

		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700				Mục 6.1
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600				Mục 6.2
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900				Mục 6.3
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	2	150	300				Mục 6.4
		Lấy ý kiến nhận xét trong trường hợp chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (không quá 03 ý kiến)				1.200				Mục 6.7
		- Chuyên gia mời	bài nx	3	400	1.200				
		Chi phí quản lý chung (Aql = Att x 20%)	20%			1.320				Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định (A = Att + Aql)				7.920				
		Làm tròn				7.950				
		Bằng chữ:	Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng							
2	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM	Chi phí trực tiếp (Att)				11.164			5.937	
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án (thành viên tối thiểu 07 người cấp thành phố, tối thiểu 05 người cấp huyện)				3.064			1.437	Tổ chức Đoàn kiểm tra trong trường hợp cơ sở đang hoạt động (số lượng thành viên tùy thuộc vào từng dự án cụ thể)
		Chi xăng xe (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, đối với cấp thành phố và 30 km đối với cấp huyện) (giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)	lít	84	25	2.064	30	25	737	Tiết b.2 Mục III Phụ lục 03 kèm theo NQ 09/2017/NQ-HĐND

		Chi thuê chuyên gia tham gia khảo sát	người/buổi	2	500	1.000	2	350	700	Mục 6.5 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (tối thiểu 07 người cấp thành phố, tối thiểu 05 người cấp huyện, có quyết định thành lập)				7.100			3.800	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định				2.500			1.300	
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	2	350	700	
		- Thành viên	bài nx	5	300	1.500	3	200	600	
		Chi cho họp thẩm định				3.400			1.900	
		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700	1	500	500	
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600	1	400	400	
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	5	300	1.500	3	200	600	
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	4	150	600	4	100	400	
		Lấy ý kiến nhận xét trong trường hợp chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (không quá 03 ý kiến)				1.200			600	
		- Chuyên gia mời	bài nx	3	400	1.200	2	300	600	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Chi phí quản lý chung ($Aql = Att \times 20\%$)		20%		2.233			1.187	
		Mức thu phí thẩm định ($A = Att + Aql$)				13.397			7.125	
		Làm tròn				13.400			7.200	
		Bảng chữ:	Mười ba triệu bốn trăm				Bảy triệu hai trăm ngàn đồng			

II Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường										
1	Dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện điều chỉnh GPMT	Chi phí trực tiếp (A)				5.700			2.750	
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (không quá 05 thành viên đối với cấp thành phố, không quá 03 thành viên đối với cấp huyện, có quyết định thành lập)				4.700			2.050	Số lượng thành viên phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên tham gia Tổ thẩm định				1.900			750	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	1	350	350	
		- Thành viên	bài nx	3	300	900	2	200	400	
		Chi cho họp thẩm định				2.800			1.300	
		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700	1	500	500	
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600	0		0	
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900	2	200	400	
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	4	150	600	4	100	400	
		Chi phí quản lý chung ($Aql = Att \times 20\%$)	20%			1.140			550	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định ($A = Att + Aql$)				6.850			3.300	
		Làm tròn				6.850			3.300	
		Bằng chữ:	Sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng				Ba triệu ba trăm ngàn đồng			

III	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định 08/2022/NĐ-CP									
1	Dự án đầu tư, cơ sở	Chi phí trực tiếp (A)				3.500			2.400	
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức họp Tổ thẩm định (không quá 03 thành viên, có quyết định thành lập)				2.500			1.700	
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên tham gia Tổ thẩm định				1.300			900	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	2	350	700	
		- Thành viên	bài nx	1	300	300	1	200	200	
		Chi cho họp thẩm định				1.200			800	
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900	3	200	600	
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	2	150	300	2	100	200	
		Chi phí quản lý chung ($A_{ql} = A_{tt} \times 20\%$)	20%			700			480	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định ($A = A_{tt} + A_{ql}$)				4.200			2.880	
		Làm tròn				4.200			2.900	
		Bằng chữ:	Bốn triệu hai trăm ngàn đồng				Hai triệu chín trăm ngàn đồng			

Ghi chú: Trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng VHTN; các dự án đầu tư, cơ sở đã đầu nối nước thải vào HTXLNT tập trung và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định này)

Phụ lục 3.2. Tổng hợp đề xuất ban hành mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

Đơn vị tính: x 1.000 Đồng/Hồ sơ

TT	Nội dung thu phí	Thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường		Mức thu phí (*1.000 đồng/1 hồ sơ)		Ghi chú
				Cấp Thành phố	Cấp huyện	
I	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường					
1	Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	UBND Thành phố		7.950		Quan trắc, lấy mẫu và phân tích thực hiện trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình
2	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	UBND Thành phố	UBND cấp huyện	13.400	7.200	
II	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường					
1	Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường	UBND Thành phố	UBND cấp huyện	6.850	3.300	Thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4
III	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với trường hợp (quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022):					
1	- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	UBND Thành phố	UBND cấp huyện	4.200	2.900	Thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4



DANH MỤC HỒ SƠ

ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG, QUY ĐỊNH THU PHÍ, LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
HÀ NỘI THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 06/2020/NQ-HĐND NGÀY 07/7/2020

(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 2438/TTTrLN: CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6
năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội –
Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nội dung tài liệu
1	Tờ trình liên ngành bổ sung về việc đề nghị ban hành Nghị quyết
2	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Nghị quyết).
3	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, ý kiến tham vấn của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội
4	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
5	Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố gửi HĐND Thành phố
6	Dự thảo Bản thuyết minh đề nghị ban hành Nghị quyết.
7	Dự thảo Nghị quyết
8	Đề án
8.1	Đề án sửa đổi, bổ sung phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.
8.2	Đề án sửa đổi, bổ sung phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;
8.3	Đề án Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội



BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý

Tờ trình liên ngành số 284/TTTrLN:CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6 năm 2022

Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN GÓP Ý	GIẢI TRÌNH, CHỈNH SỬA VÀ TIẾP THU
I	TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN		
A	Các Sở, Ban, Ngành có liên quan		
1	Sở Tài chính (văn bản số 2735/STC-QLG ngày 24/5/2022)	Đề nghị xem xét các nội dung sau: - Nội dung “<i>Bãi bỏ khoản 16</i>” tại Điều 1 và Điều 2 dự thảo Nghị quyết trùng lặp. - Nội dung tại điểm b khoản 18, điểm a, b khoản 21 phần A của NQ 06/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, thay thế, không phải “<i>Bãi bỏ</i>” như khoản 4 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết	Đã tiếp thu, chỉnh sửa lại khoản 4 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết như sau: <i>“4. Bãi bỏ khoản 16, điểm b khoản 18, điểm a, b khoản 21 Phần A tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND...”</i>
2	Cục thuế TP Hà Nội (văn bản số 24306/CTHN-HKDCN ngày 27/5/2022)	Đề nghị sửa “<i>Tờ trình về việc xây dựng ban hành Nghị quyết về việc....</i>”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa lại tên Dự thảo Tờ trình như sau: <i>“Tờ trình về việc xây dựng đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ....”</i>
3	Kho bạc nhà nước TP Hà Nội (văn bản số 288/KBNN-KTNN)	- Đề nghị sửa lại tên Tờ trình thành “<i>đề nghị ban hành Nghị quyết</i>” - Đề nghị lấy thêm ý kiến của các Sở,	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa lại tên dự thảo Tờ trình. - Cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã là các đơn vị có

	ngày 02/6/2022)	ngành để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố	liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí; các chủ đầu tư, cơ sở hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội (đối tượng chịu tác động trực tiếp)
B	UBND các quận, huyện, thị xã (30 quận, huyện, thị xã)		
B.1	<i>UBND các quận, huyện, thị xã đồng thuận với dự thảo Nghị quyết và không có ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung</i>		
1	UBND quận Ba Đình (văn bản số 876/UBND-TNMT ngày 27/5/2022)		
2	UBND quận Hoàn Kiếm (văn bản số 785/UBND-TNMT ngày 01/6/2022)		
3	UBND quận Tây Hồ (văn bản số 739/UBND-TNMT ngày 30/5/2022)		
4	UBND quận Thanh Xuân (văn bản số 906/UBND-TNMT ngày 26/5/2022)		
5	UBND quận Bắc Từ Liêm (văn bản số 1597/UBND-TNMT ngày 01/6/2022)		
6	UBND quận Hà Đông (văn bản số 1206/UBND-TNMT ngày 26/5/2022)		
7	UBND quận Long Biên (văn bản số 928/UBND-TNMT ngày 31/5/2022)		
8	UBND quận Hoàng Mai (văn bản số 1236/UBND-TNMT ngày 31/5/2022)		
9	UBND quận Hai Bà Trưng (văn bản số 781/UBND-TNMT ngày 01/6/2022)		
10	Phòng TNMT quận Cầu Giấy (văn bản số 84/ TNMT ngày 27/5/2022)		
11	UBND quận Đống Đa (văn bản số 117/UBND-TNMT ngày 10/6/2022)		
12	UBND huyện Chương Mỹ (văn bản số 899/UBND-TNMT ngày 24/5/2022)		
13	UBND Huyện Gia Lâm (văn bản số 1498/UBND-TN&MT ngày 23/5/2022)		

14	UBND huyện Mê Linh (văn bản số 1163/UBND-TNMT ngày 26/5/2022)		
15	UBND huyện Mỹ Đức (văn bản số 785/UBND-TNMT ngày 25/5/2022)		
16	UBND huyện Ứng Hòa (văn bản số 591/UBND-TNMT ngày 25/5/2022)		
17	UBND huyện Ba Vì (văn bản số 1162/UBND ngày 24/5/2022)		
18	UBND huyện Hoài Đức (văn bản số 1061/UBND-TNMT ngày 04/6/2022)		
19	UBND huyện Thanh Trì (văn bản số 1070/UBND-TN&MT ngày 03/6/2022)		
20	UBND huyện Sóc Sơn (văn bản số 1152/UBND-TNMT ngày 01/6/2022)		
21	Phòng TNMT huyện Thạch Thất (văn bản số 376/TNMT ngày 07/6/2022)		
22	UBND Thị xã Sơn Tây (văn bản số 1272/UBND-TNMT ngày 14/6/2022)		
23	UBND huyện Thanh Oai (văn bản số 1058/UBND-TNMT ngày 07/6/2022)		
24	UBND huyện Đông Anh (văn bản số 1230/UBND-TNMT ngày 15/6/2022)		
B.2	UBND các quận, huyện, thị xã đồng thuận với dự thảo Nghị quyết nhưng có ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung		
1	UBND huyện Thường Tín (văn bản số 575/UBND-TNMT ngày 27/5/2022)	Đề nghị: Tại điểm c khoản 1 Điều 1 (Dự thảo Nghị quyết): quy định rõ hơn đơn vị thu phí: - Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm	Đã tiếp thu, tuy nhiên cơ quan soạn thảo đề nghị vẫn giữ nguyên các nội dung đã quy định tại Dự thảo Nghị quyết. Lý do: - Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường: do Luật BVMT năm 2020 không sửa đổi thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (của UBND Thành phố) và

		quyền thẩm định, cấp giấy phép của UBND Thành phố. - Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp huyện	Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố công bố TTHC cũng không có sự sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC (Sở Tài nguyên và Môi trường). Do vậy, Dự thảo Nghị quyết không đề xuất sửa đổi nội dung quy định về tổ chức thu phí đã được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND. - <i>Đối với phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường:</i> đã ghi rõ theo thẩm quyền giải quyết TTHC, quy định như vậy là để đảm bảo tính chủ động giao việc của UBND các quận, huyện, thị xã cho tổ chức thu phí phù hợp với đặc thù của từng địa phương.
2	UBND huyện Quốc Oai (văn bản số 1776/TNMT ngày 14/6/2022)	Đề nghị: Tại phần Quản lý sử dụng: nêu cụ thể nguồn kinh phí cho công tác thẩm định hồ sơ lĩnh vực môi trường lấy từ nguồn nào và mức chi tiền cho tổ thẩm định, tổ kiểm tra hồ sơ.	Các nội dung ý kiến đã được nêu rõ trong dự thảo Nghị quyết, cụ thể là: - <i>Về nguồn kinh phí cho công tác thẩm định:</i> + Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường: theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết (thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, do không quy định sửa đổi nội dung này). + Đối với phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường: khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường: “d. <i>Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành. Chi phí cho công tác thẩm định và</i>

			<i>thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.”</i> Như vậy, nguồn kinh phí chi cho công tác thẩm định được ngân sách cấp theo dự án duyệt hàng năm. - Về mức chi cho tổ thẩm định, tổ kiểm tra hồ sơ (hoạt động thẩm định): theo dự toán duyệt hàng năm, do vậy thực hiện theo chế độ quản lý chi tiêu, tài chính, ngân sách hiện hành tại thời điểm lập dự toán.
3	Phòng TNMT huyện Phúc Thọ (văn bản số 394/TNMT ngày 06/6/2022)	Đề nghị: Hướng dẫn các khoản chi và mức chi cho công tác thẩm định và thu phí	Theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, quy định việc Quản lý và sử dụng phí như sau: “<i>Tổ chức thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành. Chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.</i>” Do vậy, các khoản chi, mức chi cho công tác thẩm định (hợp tổ thẩm định, tổ kiểm tra hồ sơ, khảo sát thực tế): theo dự toán duyệt hàng năm, do vậy thực hiện theo chế độ quản lý chi tiêu, tài chính, ngân sách hiện hành tại thời điểm lập dự toán.
4	UBND huyện Đan Phượng (văn bản số 954/UBND-TNMT ngày 07/6/2022)	Đề nghị: Làm rõ phương pháp tính ra mức thu phí của phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp huyện	Các phương pháp tính mức thu phí của các khoản phí thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường đề xuất ban hành tại dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND đã được trình bày cụ thể tại các Đề án thu phí, là một phần của hồ sơ đề nghị xây dựng và đề nghị ban hành Nghị quyết. Các nội dung nêu tại dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị

			quyết được tổng hợp trên cơ sở Đề án thu phí đã được BPTT thẩm định. Do vậy, không nêu chi tiết tại dự thảo Tờ trình. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình sẽ trình bày phương án xây dựng mức thu phí để làm cơ sở tính toán mức thu phí đề xuất ban hành sửa đổi, bổ sung.
5	UBND huyện Phú Xuyên (văn bản số 1125/UBND-TNMT ngày 06/6/2022)	Đề nghị: Tại điểm c khoản 1 Điều 1: quy định rõ hơn đơn vị thu phí: - Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép của UBND Thành phố. - Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp huyện	Đã giải trình tại nội dung góp ý của UBND huyện Thường Tín (Trùng ý kiến)
B3	UBND các Quận, huyện, thị xã còn lại (Nam Từ Liêm, Đông Anh): không nhận được ý kiến phản hồi		
C	Các Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố (đối tượng chịu tác động trực tiếp)		
1	Tổng số doanh nghiệp gửi lấy ý kiến tham vấn: 75 đơn vị		Có danh sách kèm theo

2	Tổng số doanh nghiệp nhận được ý kiến phản hồi: 54 đơn vị	01 đơn vị (chiếm tỷ lệ 1,85%) không đồng thuận với nội dung điều chỉnh tăng mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Do những năm gần đây doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, cạnh tranh gay gắt, giá nguyên vật liệu tăng cao. Tuy nhiên, đơn vị đã đồng thuận với mức thu phí của phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	Sự cần thiết của việc điều chỉnh tăng mức thu phí đối với 02 khoản phí đã ban hành, gồm phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được nêu rõ tại dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành nghị quyết. Trong đó đã khẳng định việc điều chỉnh tăng mức thu phí là cần thiết. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng thêm cần thiết không quá cao để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Dự thảo Nghị quyết đã nhận được sự đồng thuận cao của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mặc dù vẫn có đơn vị chưa đồng thuận với mức thu phí đề xuất sửa đổi, song tỷ lệ này không đáng kể (1,85% không đồng thuận).
II	TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN QUA ĐĂNG TẢI CÔNG KHAI TRÊN CỔNG GIAO TIẾP ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ		
1	Đăng tải dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết và Đề cương dự thảo Nghị quyết		
	Từ ngày 20/4/2022	Không nhận được ý kiến góp ý hoặc phản đối về nội dung của Dự thảo	
2	Đăng tải dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành nghị quyết và dự thảo Nghị quyết		
	Từ ngày 20/5/2022	Không nhận được ý kiến góp ý hoặc phản đối về nội dung của Dự thảo	



BÁO CÁO
GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP
VỀ Ý KIẾN THAM VẤN CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số
quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo
Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020

(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 28438/TTTrLN:CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6
năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội –
Sở Tài nguyên và Môi trường)

I. ĐỐI VỚI Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

1. Đối với ý kiến về sự phù hợp của Quyết định với chủ trương, đường
lối của Đảng, chính sách của Nhà nước:

Tại Báo cáo thẩm định số 138/BC-STP ngày 09/6/2020 của Sở Tư pháp có ý kiến: *“Tại điểm a Khoản 3 Phần II Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình có đề ra nhiệm vụ: “Tiếp tục rà soát, giảm các loại phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19”. Do đó, cơ quan soạn thảo cần bổ sung thêm phần giải trình để đảm bảo sự thống nhất trong chủ trương, chính sách của Nhà nước.*

Giải trình:

Về nội dung này, Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến giải trình như sau:

- Ngay khi dịch bệnh Covid xảy ra, Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các chính sách giảm phí, lệ phí cho doanh nghiệp, người dân chịu sự ảnh hưởng của dịch bệnh. UBND Thành phố đã giao Bộ phận thường trực triển khai Luật Phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội (BPTT) phối hợp với các Sở, Ngành rà soát, đề xuất giảm thu phí, lệ phí bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. BPTT cùng các Sở, Ngành đã tham mưu, báo cáo UBND Thành phố đề xuất giảm một số khoản phí, lệ phí với Chính phủ, Bộ Tài chính.

- Từ năm 2020 đến nay, Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các chính sách giảm các khoản phí, lệ phí như: Lệ phí cấp Căn cước công dân, Lệ phí trước bạ, giảm phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, lệ phí cấp chứng chỉ năng lực/hành nghề hoạt động

xây dựng; phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; phí thẩm định thiết kế cơ sở; phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; lệ phí sở hữu công nghiệp.... Các khoản phí, lệ phí được giảm chủ yếu trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến tiêu dùng, dân sinh nhằm thúc đẩy mua sắm, đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, đối với các khoản phí đang được BPTT phối hợp với Tổ chức thu phí (Sở Tài nguyên và Môi trường) đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ là các khoản phí thu phục vụ cho công tác liên quan đến thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022), cụ thể là thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản, thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường nhằm triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội; các khoản phí được đề xuất sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với điều kiện thực tế của Thủ đô.

- Luật Bảo vệ môi trường quy định một trong những nguyên tắc về bảo vệ môi trường như sau: *“Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật”*; vì vậy, ngân sách nhà nước không chi trả cho các hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường, do các hoạt động thẩm định có mục đích là đề ra các phương án, giải pháp xử lý và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ và trách nhiệm phải thực hiện để bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Các hoạt động thẩm định cần phải thực hiện nghiêm chỉnh, đánh giá được hết các rủi ro, ảnh hưởng đến môi trường nên cần mức chi phù hợp. Bên cạnh đó, hiện nay các chi phí cho hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường đang chi trả toàn bộ từ nguồn thu phí thẩm định thông qua dự toán chi được ngân sách cấp hàng năm. Với mức thu chưa tương xứng, sẽ gây khó khăn trong công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội và ngân sách thành phố sẽ phải bù đắp chi phí cho hoạt động thẩm định,....

- Tại Đề án thu phí, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất điều chỉnh tăng mức thu phí. Tuy nhiên, việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Do vậy, các mức thu đề xuất sửa đổi, bổ sung được tính toán là **mức chi phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết cho hoạt động thẩm định** căn cứ vào quy trình giải quyết Thủ tục

hành chính đã được công bố và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về tài chính và ngân sách.

Do vậy, việc điều chỉnh tăng mức thu phí phù hợp với nguyên tắc xác định mức thu phí theo quy định tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí và Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021)¹; là khoản thu để bù đắp toàn bộ chi phí thực hiện công tác thẩm định.

Theo đánh giá của Sở Tài nguyên và Môi trường, mỗi năm chỉ có khoảng 80-100 đơn vị thuộc đối tượng nộp phí, do đó phạm vi ảnh hưởng không lớn. Như vậy, việc đề xuất điều chỉnh tăng mức thu phí của các khoản phí thuộc lĩnh vực môi trường đã ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố vẫn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Đối với ý kiến về nội dung dự thảo và ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo được nêu tại mục 4, mục 5 và mục 6:

Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa.

II. ĐỐI VỚI Ý KIẾN THAM VẤN CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Đối với ý kiến về việc nghiên cứu kỹ mức thu phí:

Tại Công văn số 1796/MTTQ-BTT ngày 07/6/2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội có nêu: *“Đề nghị cần nghiên cứu kỹ mức thu phí đảm bảo phù hợp, đúng quy định của pháp luật, mức phí không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự giác và nghiêm túc thực hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ môi trường, tạo sự đồng thuận cao khi ban hành.”*

Giải trình:

Về nội dung này, Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến giải trình như sau:

Quá trình nghiên cứu, đề xuất xây dựng mức thu phí; Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên, nghiên cứu đặc điểm tình hình thực tiễn của Thành phố Hà Nội liên quan đến hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn Thành phố; cụ thể là:

a) Căn cứ pháp lý:

¹ - Điều 8 Luật Phí và lệ phí quy định: *“Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”*

- Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021) quy định: *“Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí phù hợp.”*

- Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, gồm: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 và được UBND Thành phố công bố tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022.

- Các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách, tài chính, chi tiêu, gồm: Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường và chi theo thực tế.

b) Cơ sở thực tiễn:

- Trong quá trình giải quyết TTHC theo quy định; một số hoạt động thẩm định chưa có kinh phí để chi trả;

- Các mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung chưa có sự điều chỉnh mức thu cho phù hợp với quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành. Các mức chi cho hoạt động thẩm định hiện đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường và chi theo thực tế. Tuy nhiên, các mức thu phí hiện hành được xây dựng trên cơ sở quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường (đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC). Theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC, các mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định được điều chỉnh tăng trung bình hơn 2 lần, dẫn tới tổng chi cho hoạt động thẩm định sẽ tăng thêm bình quân 2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần họp thẩm định (trong trường hợp họp đủ số thành viên theo quy định) và sẽ tăng trung bình năm khoảng 23,2%/năm.

- Tham khảo mức thu phí của cơ quan Trung ương và của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; cho thấy, các mức thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội còn thấp.

Do vậy, việc xây dựng mức thu phí đã được đề xuất trên cơ sở các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về quản lý tài chính, ngân sách và tham khảo mức thu phí của cơ quan Trung ương và của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế của thành phố Hà Nội. Việc xây dựng mức thu phí đã đảm bảo nguyên tắc xây

dựng phí là khoản thu để bù đắp toàn bộ chi phí thực hiện công tác thẩm định và đảm bảo chi phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết phục vụ cho công tác thẩm định theo đúng quy trình giải quyết TTHC đã được UBND Thành phố công bố.

Trên cơ sở phương án xây dựng mức thu phí đã được Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất tại Đề án thu phí; BPTT đã tổ chức thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và tổ chức họp thẩm định; đã có ý kiến thống nhất về các mức thu phí đề xuất. Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đăng tải công khai toàn văn dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trên Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội, lấy ý kiến của UBND các quận, huyện, thị xã và các doanh nghiệp (đối tượng chịu tác động trực tiếp). Đến nay, đã nhận được sự đồng thuận của các Sở, Ban, Ngành có liên quan, 29/30 UBND các quận, huyện, thị xã (còn lại UBND quận Nam Từ Liêm không có ý kiến phản hồi); 53/54 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi đồng thuận với nội dung của dự thảo Nghị quyết, 01/54 doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 1,85%) có ý kiến không đồng thuận việc điều chỉnh tăng mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do khó khăn vì dịch Covid, nhưng đồng thuận với mức thu phí của phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Tuy nhiên, tỷ lệ không đồng thuận này không đáng kể.

Do vậy, theo đánh giá, mức thu phí đề xuất đã đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố Hà Nội và nhận được sự đồng thuận cao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các ý kiến khác:

Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa. Cụ thể là:

- Bổ sung kết quả thu phí thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trong đó có nêu rõ số đơn vị đề nghị thẩm định hồ sơ, số đơn vị có hồ sơ được phê duyệt, tổng số tiền đã thu theo từng khoản mục thu phí... trong dự thảo tờ trình của UBND thành phố trình HĐND Thành phố để làm căn cứ cho việc sửa đổi, bổ sung các khoản phí.

- Đã sửa lại Bố cục của dự thảo Nghị quyết thành 03 điều, trong đó tách Điều 1 thành 02 điều (tách riêng nội dung quy định sửa đổi bổ sung và nội dung quy định bãi bỏ); chuyển Điều khoản thi hành từ Điều 2 thành Điều 3.

- Bỏ nội dung tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết cụm từ ***“Bãi bỏ khoản b điểm 18 và điểm a, b khoản 21 tại danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội”*** vì đã quy định sửa đổi tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.

- Thống nhất đơn vị thu trong các biểu và trong nội dung của dự thảo Nghị quyết lấy đơn vị là đồng.

Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND Thành phố thông qua và có Tờ trình trình HĐND Thành phố để làm cơ sở gửi các Ban của HĐND Thành phố thẩm tra trước khi trình HĐND Thành phố thông qua tại kỳ họp thường kỳ giữa năm 2022./.

**BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ
MỘT SỐ ĐIỀU ĐỊNH THU PHÍ, LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
HÀ NỘI THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN
DÂN THÀNH PHỐ BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ
06/2020/NQ-HĐND NGÀY 07/07/2020**

*(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 28438/TTrLN: CTHN-TNMT ngày 11 tháng 6
năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội –
Sở Tài nguyên và Môi trường)*

I. VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết

Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV kỳ họp thứ XV, Cục Thuế thành phố Hà Nội cùng các thành viên Bộ phận thường trực triển khai Luật Phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội (BPTT) đã tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố, ban hành quy định thu đối với 17 khoản Phí và 08 khoản Lệ phí, trong đó có quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

Ngày 17/11/2020, Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (sau đây gọi tắt là Luật BVMT năm 2020), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022; Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 hết hiệu lực thi hành. Tại khoản 4 Điều 169 Luật BVMT năm 2020 quy định: “4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14”;

Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT. Ngày 14/01/2022, Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT và ngày 25/3/2022 được UBND Thành phố công bố tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND;

Ngày 26/11/2022, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Do vậy một số khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh thuộc Danh mục Phí, lệ phí đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; dẫn tới một số khoản phí đã ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng Đề án thu phí làm căn cứ để ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm đặc thù của Thành phố Hà Nội.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết

Để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên, phù hợp với đặc điểm thực tế của thành phố Hà Nội và các quy định quản lý tài chính, ngân sách hiện hành, đảm bảo thuận lợi trong việc triển khai, áp dụng chính sách được đồng bộ, thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội; BPTT báo cáo UBND Thành phố xem xét, chấp thuận và trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 thực hiện sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đối với 04 khoản phí như sau:

1. Sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Quy định hiện hành:

Hiện nay phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đang được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, cụ thể như sau:

*** Mức thu phí:**

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đơn vị thu: Triệu đồng/hồ sơ

TT	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	5,2	5,4	6	6,8
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,0	6,5	6,7	7,5	8,5
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,7	7,3	7,5	8,5	9,5
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	7,5	7,7	8,6	9,8
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	7,2	7,8	8,0	9,0	10
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	7,5	8,0	8,4	9,5	11
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	5,2	5,4	6	6,8

- Trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu tại biểu mức trên.

- Mức thu phí trên chưa bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu công việc thẩm định. Các chi phí này chủ đầu tư chi trả theo thực tế phát sinh.

- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

+ Đối với trường hợp thẩm định phương án, phương án bổ sung chỉ thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường): 5.600.000 đồng.

+ Đối với trường hợp thẩm định phương án, phương án bổ sung của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định: 8.800.000 đồng.

+ Mức thu phí trên chưa bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu công việc thẩm định. Các chi phí này chủ đầu tư chi trả theo thực tế phát sinh.

*** Tổ chức thu phí:**

Sở Tài nguyên và Môi trường

b) Căn cứ đề xuất:

* Phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020:

- Tại khoản 4 Điều 169 Luật BVMT năm 2020 quy định: “4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14”, cụ thể là: Sửa đổi, bổ sung điểm 1.4 Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (bỏ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết). Tuy nhiên, Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố không quy định thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết; do vậy phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội không có sự sửa đổi theo Luật BVMT năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT được ban hành. Theo đó, Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 và được UBND Thành phố công bố tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022. Theo Danh mục TTHC được công bố, đã ban hành 02 TTHC thay thế gồm “Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường” và “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản”, không còn TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”. Do vậy, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung phải được sửa đổi cho phù hợp với quy trình giải quyết TTHC theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với 02 khoản phí này đã được Bộ Tài Chính ban hành tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

* Phù hợp với tình hình thực tiễn của Thủ đô:

Trong thời gian qua, công tác thu phí được thực hiện thu đúng, thu đủ số phí phải nộp và nhận được sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ và không gặp khó khăn, vướng mắc hay có sự phản ánh, kiến nghị về mức thu phí.

Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện quản lý và sử dụng phí cho thấy:

- Trong quá trình giải quyết TTHC theo quy định; một số hoạt động thẩm định chưa có kinh phí để chi trả như: thù lao viết bài nhận xét của thành viên hội đồng, ủy viên phản biện sau thẩm định (nhận xét lại); chi phí trà, nước phát sinh khi phục vụ cuộc họp; chi tiền chuyển hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự, chi thư tín, liên lạc;....

- Các mức thu phí của 02 khoản phí, gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và

phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, chưa có sự điều chỉnh mức thu cho phù hợp với quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành. Hiện nay, các mức chi cho hoạt động thẩm định đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường¹ và chi theo thực tế. Tuy nhiên, căn cứ xây dựng các mức thu phí của 02 khoản phí này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường², đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

Theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC, các mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định được điều chỉnh tăng trung bình hơn 2 lần, dẫn tới tổng chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định thực tế sẽ tăng thêm bình quân 2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần thẩm định (trong trường hợp hợp đủ số thành viên theo quy định) và tăng trung bình năm khoảng 23,2%/năm.

- Tham khảo mức thu phí đã được ban hành tại một số tỉnh, thành phố khác cho thấy, các mức thu phí của 02 khoản phí này trên địa bàn thành phố Hà Nội còn thấp, chưa bằng 50% so với mức thu phí của một số tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Thuận, Kiên Giang³.... Với mức thu chưa tương xứng, sẽ gây khó khăn trong công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội.

Như vậy, cần thiết xây dựng Đề án thu phí làm căn cứ ban hành Nghị quyết nhằm sửa đổi đối với 02 khoản phí nêu trên đang được quy định thu theo Nghị quyết số 06/2020/QN-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố cho phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020 và các quy định khác của pháp luật hiện hành; phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội và đảm bảo tính tương đồng với các tỉnh, thành phố khác.

¹ Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021) và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 của Bộ Tài chính; các khoản chi liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định, mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

² Mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố, mức thu phí của phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố. Các mức thu phí được tiếp tục áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

³ - *Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*: Đà Nẵng (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 32.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ).

- *Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: Đà Nẵng (13.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 15.600.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 10.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (20.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Thuận (từ 4.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ); Nghệ An (12.900.000 đồng/hồ sơ).

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất *sửa đổi* quy định thu phí như sau:

- Sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (bỏ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết). Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, không quy định thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Do vậy, đề xuất sửa đổi mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*không sửa đổi tên khoản phí và đối tượng nộp phí*).

- Sửa đổi phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. Do không còn thủ tục hành chính đối với đối tượng “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”, đề xuất sửa đổi tên khoản phí, đối tượng nộp phí và mức thu phí.

Tuy nhiên, việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần thiết không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật BVMT; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Đề án “Sửa đổi, bổ sung phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội” và Đề án “Sửa đổi, bổ sung phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được đề xuất sửa đổi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố như sau:

(1). Sửa đổi điểm b khoản 18 Phần A quy định thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

“b. Mức thu phí:

Đơn vị thu: Đồng/hồ sơ

TT	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	7.500.000	8.100.000	8.200.000	12.500.000	12.600.000
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	8.400.000	9.100.000	9.200.000	14.000.000	14.100.000

4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8.600.000	9.300.000	9.500.000	14.400.000	14.500.000
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	9.000.000	9.700.000	9.900.000	15.000.000	15.100.000
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	9.400.000	10.200.000	10.300.000	15.600.000	15.700.000
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

- Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên; thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.”

(2). Sửa đổi điểm a, b khoản 21 Phần A quy định thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung như sau:

“21. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở khai thác khoáng sản khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

b. Mức thu phí:

- Đối với trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường): 7.300.000 đồng.

- Đối với trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định: 13.100.000 đồng.

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát, kiểm tra thực tế tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.”

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các đối tượng khác có liên quan

Theo quy định, đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật BVMT năm 2020. Do đó đối tượng chịu tác động trực tiếp của

Nghị quyết là các tổ chức doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội; đồng thời là chủ nguồn thải có hoạt động xả thải có tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, việc lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật BVMT là trách nhiệm bắt buộc đối với các doanh nghiệp nêu trên nhằm đề xuất và được phê duyệt các giải pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường có tính khả thi, phù hợp với đặc thù của dự án, cơ sở để ngăn ngừa các tác động xấu đến môi trường của Thủ đô Hà Nội. Do đó trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản là một hoạt động cần thiết và yêu cầu bắt buộc các doanh nghiệp phải nghiêm túc thực hiện.

Vì vậy, công tác thẩm định hồ sơ yêu cầu phải được thực hiện nghiêm túc, đánh giá được toàn diện các nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường. Với mức thu chưa tương xứng sẽ gây khó khăn cho công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội. Do vậy, trên cơ sở yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường; cần thiết phải điều chỉnh tăng mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (được sửa đổi tên gọi là thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường) để đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định theo đúng quy trình giải quyết TTHC đã ban hành.

Ngoài ra, mức chi cho hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đang chi thực tế cao hơn so với các mức chi khi xây dựng mức thu phí thẩm định theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố cho hoạt động của Hội đồng thẩm định trong trường hợp hợp đủ số thành viên theo quyết định. Do vậy cần thực hiện điều chỉnh định mức chi hoạt động thẩm định tăng thêm từ 1.000.000 đồng đến 6.100.000 đồng đối với 01 hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và điều chỉnh định mức chi hoạt động thẩm định thực tế tăng 1.700.000 đồng đến 4.300.000 đồng đối với 01 hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tương ứng với mức tăng bình quân là 2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần họp thẩm định (trong trường hợp hợp đủ số thành viên theo quyết định). Việc tính toán đề xuất sửa đổi mức thu phí đã được tuân thủ theo quy định về quản lý tài chính và chi tiêu hiện hành. Căn cứ vào dự toán thu – chi cho hoạt động thẩm định cho thấy mức thu phí đề xuất đã đáp ứng được nguyên tắc xây dựng phí.

Với việc sửa đổi mức thu phí theo phương án đã nêu tại Đề án, mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đề xuất sửa đổi có tỷ lệ tăng thêm bình quân khoảng 64,21%, mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất sửa đổi có tỷ lệ tăng thêm bình quân là 48,86% (đối chiếu ở mức thu phí cao nhất) so với quy định hiện hành. Theo tổng mức đầu tư của dự

án, cơ sở; mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đề xuất sửa đổi chiếm tỷ trọng không đáng kể (khoảng 0,031⁰/₀₀ đến 0,12⁰/₀₀). Với mức tăng bình quân này, so với việc điều chỉnh mức chi cho hoạt động thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính về chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là không quá cao (mức chi đã được điều chỉnh tăng bình quân khoảng 2 lần). Mặt khác, so với mặt bằng chung về mức phí, lệ phí của các tỉnh/thành phố, mức thu phí đề xuất sửa đổi tăng thêm để áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội không lớn (mức phí bằng khoảng từ 23,36% - 60,38%).

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đăng tải công khai dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (dự thảo Tờ trình và Đề cương dự thảo Nghị quyết) và dự thảo Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết (dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội từ ngày 20/4/2022 (lần 1) và từ ngày 20/5/2022 (lần 2). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Sở, Ban, Ngành có liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã và tham vấn ý kiến của các chủ đầu tư, cơ sở đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội (đối tượng chịu tác động trực tiếp). Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ nhận được 01 ý kiến không đồng thuận về việc sửa đổi tăng mức thu phí đối với 02 khoản phí này của đối tượng là doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 1,85%) với lý do những năm gần đây doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, cạnh tranh gay gắt, giá nguyên vật liệu tăng cao; tuy nhiên tỷ lệ này không đáng kể.

Do vậy, theo đánh giá mức thu phí sửa đổi tăng thêm đối với 02 khoản phí được đề xuất sửa đổi tại Nghị quyết này không gây ảnh hưởng lớn đến đối tượng chịu tác động trực tiếp là các chủ dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội do chiếm tỷ trọng thấp trong tổng kinh phí đầu tư dự án, cơ sở. Mức thu phí đã đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết cho hoạt động thẩm định để giải quyết TTHC cho đối tượng chịu phí một cách hiệu quả.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn để giải quyết vấn đề

BPTT thẩm định và thống nhất báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết *sửa đổi* đối với 02 khoản phí đã được ban hành, gồm phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung tại kỳ họp HĐND Thành phố 6 tháng đầu năm 2022 để áp dụng thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

2. Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

2.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Quy định hiện hành:

Là khoản phí mới được ban hành theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

b) Căn cứ đề xuất:

- Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, tại điểm b khoản 4 Điều 169 quy định: “b) *Bổ sung điểm 1.6 và sau điểm 1.5 như sau:*

1.6	<i>Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường</i>	<i>* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.</i>
-----	--	--

- Theo Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính Phủ, Danh mục TTHC được công bố; TTHC đối với “cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh và cấp đổi giấy phép môi trường” thuộc TTHC mới ban hành. Giấy phép môi trường bao gồm các loại giấy phép thành phần (giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi).

Do vậy, bổ sung phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020. Các nội dung bổ sung đối với khoản phí này đã được Bộ Tài Chính ban hành tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất **bổ sung** quy định thu Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Đề án “Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường được đề xuất ban hành mới tại Nghị quyết này với nội dung cơ bản như sau:

(1). Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường tại khoản 22 vào sau khoản 21 Phần A tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố như sau:

“22. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

a. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thị xã.

b. Mức thu phí:

Đơn vị thu: Đồng/hồ sơ

TT	Nội dung thu phí	Thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố	Thẩm quyền cấp phép của UBND các quận, huyện, thị xã
1	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường		
	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	7.950.000	
	- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	13.400.000	7.200.000
2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	6.850.000	3.300.000
3	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đã đấu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	4.200.000	2.900.000

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở, tại địa điểm thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

c. Tổ chức thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (theo thẩm quyền giải quyết Thủ tục hành chính)

d. Quản lý sử dụng:

Tổ chức thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành. Chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.”

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các đối tượng khác có liên quan

Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là khoản phí ban hành mới thuộc Danh mục phí, lệ phí được bổ sung theo quy định của Luật BVMT năm 2020, được áp dụng thu đối với các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư dự án, cơ sở hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020. Do vậy, đối tượng chịu tác động của Nghị quyết cũng tương tự như đối tượng chịu tác động của việc sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tuy nhiên có phạm vi thu hẹp hơn, do chỉ có dự án đầu tư, cơ sở có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức mới thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Phương án xây dựng mức thu Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường cũng được thực hiện tương tự như phương án xây dựng điều chỉnh mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tuy nhiên, không sử dụng hệ số phức tạp của dự án, cơ sở theo nhóm ngành nghề hoặc tổng vốn đầu tư. Do mức độ phức tạp của dự án đã được tính trong tiêu chí phân loại dự án và trách nhiệm thực hiện các thủ tục môi trường. Đặc biệt là các dự án phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, mức độ phức tạp đã được tính tới trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo tính toán, mức thu phí cao nhất cho hoạt động thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường chỉ bằng 85,35% mức thu phí cao nhất cho hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, tương đương với mức thu phí cao nhất cho hoạt động thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (bằng 102,29%). Theo dự toán thu – chi cho hoạt động thẩm định cho thấy mức thu phí đề xuất đã đáp ứng được nguyên tắc xây dựng phí.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đăng tải công khai dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (dự thảo Tờ trình và Đề cương dự thảo Nghị quyết) và dự thảo Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết (dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội từ ngày 20/4/2022 (lần 1) và từ ngày 20/5/2022 (lần 2). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Sở, Ban, Ngành có liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã và tham vấn ý kiến của các chủ đầu tư, cơ sở đang hoạt động trên

địa bàn thành phố Hà Nội (đối tượng chịu tác động trực tiếp). Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường không nhận được ý kiến phản đối về các nội dung đề xuất ban hành quy định thu phí đối với khoản phí này và các nội dung đề xuất xây dựng Nghị quyết.

Với các đánh giá nêu trên, phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đã được xây dựng phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và là khoản thu để bù đắp toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường, đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết cho hoạt động thẩm định để giải quyết TTHC cho đối tượng chịu phí một cách hiệu quả.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn để giải quyết vấn đề

BPTT thẩm định và thống nhất báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết **bổ sung** quy định thu Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại kỳ họp HĐND Thành phố 6 tháng đầu năm 2022 để áp dụng thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

3. Bãi bỏ quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

3.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Quy định hiện hành:

Hiện nay phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đang được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố

* Mức thu phí:

Đơn vị tính: Đồng/đề án

TT	Nội dung thu	Mức thu phí
I	Trường hợp thẩm định hồ sơ cấp mới (Đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi)	
1	Đề án xả nước thải với lưu lượng từ 10.000 đến dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	9.000.000
2	Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả từ 1.000m ³ / ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác; Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Làng nghề.	7.000.000
3	Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả dưới 1.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	5.000.000
4	Đối với đề án xả nước thải với lưu lượng từ 30.000m ³ /ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; từ 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các	

	hoạt động khác thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan trung ương	
II	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi	50% so với cấp mới
III	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi	30% so với cấp mới

*** Tổ chức thu phí:**

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thu phí đối với trường hợp thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thu phí đối với trường hợp thẩm định đề án xả nước thải vào công trình thủy lợi.

UBND các quận, huyện, thị xã (trường hợp được phân cấp).

b) Căn cứ đề xuất:

- Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022; tại điểm c khoản 4 Điều 169 quy định: “c) *Bãi bỏ điểm 5.4, điểm 6.3 và tiểu mục 9*”, cụ thể đối với khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh là điểm 5.4 Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Các nội dung bãi bỏ đối với khoản phí này đã được Bộ Tài Chính ban hành tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Theo điểm d khoản 2 Điều 42 Luật BVMT năm 2020, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi được quy định là giấy phép thành phần của giấy phép môi trường. Do vậy, bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là phù hợp với các quy định hiện hành.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất *bãi bỏ* quy định thu Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Đề án “Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, đề nghị bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước,

công trình thủy lợi tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các đối tượng khác có liên quan

Là khoản phí bãi bỏ theo quy định của Luật BVMT năm 2020, do vậy không còn đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các đối tượng khác có liên quan đến hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng khoản phí này.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn để giải quyết vấn đề

BPTT thẩm định và thống nhất báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết **bãi bỏ** quy định thu Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại kỳ họp HĐND Thành phố 6 tháng đầu năm 2022 để áp dụng thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

Như vậy, BPTT thẩm định và thống nhất báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020” đối với 04 khoản phí như sau:

- Sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Sửa đổi phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;
- Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;
- Bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Căn cứ kết quả rà soát tình hình thực hiện và quản lý các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội, căn cứ các Đề án thu phí được Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng; với vai trò Tổ trưởng BPTT, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020.

Cụ thể như sau:

- Tổ chức lấy ý kiến của các thành viên BPTT bằng văn bản và qua hình thức họp thẩm định; đã nhận được ý kiến phản hồi của các thành viên BPTT: Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội; đã tiếp thu và chỉnh sửa các dự thảo văn bản;

- Tổ chức lấy ký kiến của UBND các quận, huyện, thị xã và các đối tượng

chịu tác động trực tiếp của Nghị quyết (chủ đầu tư, cơ sở hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội bằng văn bản): đã nhận được ý kiến phản hồi của các đơn vị, đã tiếp thu và chỉnh sửa các dự thảo văn bản;

- Đăng tải công khai Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết lên trang thông tin điện tử của Thành phố để lấy ý kiến người dân.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Ủy ban nhân dân Thành phố: Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong việc thực hiện thu phí.

- Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố đôn đốc và giám sát thực hiện Nghị quyết.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền, tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của việc xây dựng Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020./.



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐỀ ÁN

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, gửi kèm theo Tờ trình liên ngành số 28438/TTrLN:CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)

Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14¹ có hiệu lực thi hành, thay thế Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật BVMT) đã quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; trong đó có “sửa đổi, bổ sung phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường”.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại các văn bản: số 10855/VP-KT ngày 12/10/2021, số 3485/VP-KT ngày 14/4/2022, số 4433/VP-KTTH ngày 16/5/2022 và số 1471/UBND-KTTH ngày 16/5/2022 về việc bổ sung danh mục Nghị quyết quy phạm pháp luật và triển khai các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố; trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế thành phố Hà Nội và các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án “Sửa đổi, bổ sung phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội” với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

¹ Khoản 4 Điều 169 Luật BVMT 2020 quy định: “4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14”

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021).

- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Tình hình thực hiện thu phí trong thời gian qua:

1.1. Tổ chức thu phí:

Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện thu phí và nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm đối với “Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường”. Mức thu phí trong phạm vi từ 5.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/hồ sơ, áp dụng thu đối với các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí theo quy định.

Trong 3 năm (2019, 2020, 2021), Sở Tài nguyên và Môi trường đã thu được số phí bình quân đạt 636.400.000 đồng/năm, trung bình 7.922.860 đồng/hồ sơ (*Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm*). Chi cho công tác thẩm định được ngân sách nhà nước cấp lại để phục vụ: chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ hợp đồng hỗ trợ công tác chuyên môn, chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định, mua sắm văn phòng phẩm, điện nước, thông tin liên lạc, sửa chữa máy móc thiết bị;... phục vụ nhiệm vụ thẩm định hồ sơ và thu phí. Các mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường.²

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện thu đúng, thu đủ số phí phải nộp đối với các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND Thành phố theo quy định của Luật BVMT hiện hành. Công tác thu phí nhận được sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ và không gặp khó khăn, vướng mắc hay có sự phản ánh, kiến nghị về mức thu phí.

1.2. Một số vấn đề thực tiễn:

Trong quá trình thực hiện quản lý và sử dụng phí cho thấy:

- Trong quá trình giải quyết TTHC theo quy định; một số hoạt động thẩm định chưa có kinh phí để chi trả như: thù lao viết bài nhận xét của thành viên hội đồng, ủy viên phản biện sau thẩm định (nhận xét lại); chi phí trà, nước phát sinh khi phục vụ cuộc họp; chi tiền chuyển hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự, chi thư tín, liên lạc;....

- Các mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa có sự điều chỉnh mức thu cho phù hợp với quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành. Hiện nay, các mức chi cho hoạt động thẩm định đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố và chi theo thực tế. Tuy nhiên, căn cứ xây dựng các mức thu phí của khoản phí này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường³, đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

Theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC, các mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định được điều chỉnh tăng trung bình hơn 2 lần, dẫn tới tổng chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định thực tế sẽ tăng thêm bình quân

²Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021) quy định “....các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí...; mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).”

³Mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố. Các mức thu phí được tiếp tục áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần thẩm định (trong trường hợp hợp đủ số thành viên theo quy định) và tăng trung bình năm khoảng 23,2%/năm.

- Tham khảo mức thu phí đã được ban hành tại một số tỉnh, thành phố khác cho thấy, các mức thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội còn thấp, chưa bằng 50% so với mức thu phí của một số tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Thuận, Kiên Giang⁴....

2. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án:

2.1. Phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020:

Tại điểm a khoản 4 Điều 169 Luật BVMT năm 2020 quy định: “a) *Sửa đổi, bổ sung điểm 1.4 (Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường)*” (bổ đối tượng đề án bảo vệ môi trường chi tiết) trong Mục IX- Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục phí, lệ phí. Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với khoản phí này đã được Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, không quy định thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Do vậy, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội không có sự sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

2.2. Phù hợp với tình hình thực tiễn của Thủ đô:

Với vị trí là thủ đô, là đô thị đặc biệt; việc đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội yêu cầu phải có sự đánh giá tác động môi trường một cách toàn diện; nhằm đưa ra được các giải pháp bảo vệ môi trường khả thi, giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường. Với mức thu chưa tương xứng, sẽ gây khó khăn cho công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội.

Do vậy, căn cứ quy trình giải quyết TTHC đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND Thành phố công bố, thực hiện sửa đổi mức thu phí theo hướng sửa đổi tăng mức thu phí trên cơ sở thực hiện tính toán lại mức thu phí theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các quy định khác về quản lý tài chính, ngân sách và chi tiêu của Trung ương và của thành phố Hà Nội hiện hành; đảm bảo nguyên tắc xây dựng phí quy định tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí; Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021), phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô và có tính tương đồng với các tỉnh, thành phố khác.

⁴ *Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*: Đà Nẵng (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 32.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ).

Như vậy, cần thiết phải xây dựng Đề án thu phí làm căn cứ ban hành Nghị quyết về việc *sửa đổi* phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội với nội dung *sửa đổi* mức thu phí của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố (*không sửa đổi tên khoản phí và đối tượng nộp phí*).

III. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Mục đích: là cơ sở để ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên, phù hợp với đặc điểm thực tế của Thành phố Hà Nội và các quy định quản lý tài chính, ngân sách hiện hành, đảm bảo thuận lợi trong việc triển khai, áp dụng chính sách được đồng bộ, thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường

3. Đối tượng nộp phí, miễn phí, giảm phí

3.1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3.2. Đối tượng miễn phí, giảm phí: Không có

V. PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Quy định chung về việc thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo Luật BVMT năm 2020

Điều 28 Luật BVMT năm 2020 đã quy định tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư thành 04 nhóm, gồm có:

- Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (khoản 3);

- Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 4);

- Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 5);

- Dự án đầu tư nhóm IV là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 6).

Các thủ tục môi trường cần thực hiện đối với hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở trong suốt quá trình hoạt động như sau:

Biểu 1. Tổng hợp trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường trong quá trình đầu tư và hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở theo quy định của Luật BVMT năm 2020

TT	Loại dự án	Trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý trong suốt quá trình hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở						Thẩm quyền
1.	Nhóm I	Đánh giá tác động môi trường sơ bộ trong giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư	Đánh giá tác động môi trường	Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 07 năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2.	Nhóm II		Đánh giá tác động môi trường	Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 10 năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường / UBND Thành phố
3.	Nhóm II (quy mô trung bình, quy mô nhỏ)			Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 10 năm	UBND Thành phố
4.	Nhóm III			Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 10 năm	UBND Thành phố/ UBND cấp huyện
5.	Nhóm IV			Đăng ký môi trường				UBND cấp xã
6.	Nhóm IV (không phát sinh chất thải)			Không phải thực hiện thủ tục môi trường				

2. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

2.1. Đối tượng: các dự án đầu tư Nhóm II quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 28 Luật BVMT năm 2020.

2.2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt: UBND Thành phố tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn, trừ đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và dự án đầu tư nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.

2.3. Hồ sơ trình tự, thủ tục thẩm định:

- Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định theo khoản 3 Điều 34 Luật BVMT năm 2020. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố; thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, do UBND Thành phố phê duyệt.

VI. XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC THU PHÍ

1. Nguyên tắc xác định mức thu phí

Điều 8 Luật Phí và lệ phí quy định: “Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”

Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021) quy định: “Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí phù hợp.”

Luật BVMT quy định một trong những nguyên tắc về bảo vệ môi trường như sau: “Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật”. Vì vậy, ngân sách nhà nước không chi trả cho các hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường; do mục đích của hoạt động thẩm định là đề xuất và phê duyệt các phương án, giải pháp xử lý và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ và trách nhiệm phải thực hiện để bảo vệ môi trường.

Do vậy, căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí theo quy định của pháp luật hiện hành; xác định nguyên tắc xây dựng mức thu phí là khoản thu để bù đắp toàn bộ chi phí thực hiện các hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ xây dựng mức thu phí

2.1. Cơ sở pháp lý về quản lý tài chính:

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Hà nội ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà nội.

- Và các khoản chi khác theo thực tế.

2.2. Đề xuất phương án sửa đổi mức thu phí:

Trên cơ sở tham khảo mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/06/2018 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021) và quy trình giải quyết TTHC đã được công bố, đề xuất sửa đổi mức thu phí theo phương án tính toán lại chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định (tính lại giá trị A) theo các mức chi hiện hành, được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính và Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố và các khoản chi khác theo thực tế; không thực hiện điều chỉnh Hệ số K (hệ số đã được sử dụng tại thời điểm năm 2014 để tính toán mức thu phí).

3. Xây dựng mức thu phí

3.1. Tính toán lại mức thu phí:

Căn cứ các quy định về xây dựng mức thu phí tại điểm 2 Mục VI Đề án, mức thu phí được tính toán như sau:

** Phương án tính mức thu phí đã được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố:*

Phí thẩm định được tính toán dựa trên 02 yếu tố là tổng vốn đầu tư và loại hình dự án, cụ thể là:

- Chi phí cần thiết (chi phí trực tiếp và chi phí khác) cho hoạt động thẩm định tương ứng với từng tổng mức đầu tư của dự án (A): được chia thành 5 mức, với mục đích xác định quy mô của dự án.

- Đặc điểm loại hình dự án (được gọi là hệ số K): xác định tính chất, mức độ phức tạp của các tác động lên môi trường của dự án.

Công thức tính phí dựa trên 2 yếu tố nêu trên, cụ thể như sau:

$$\text{Mức thu phí} = A \times K \quad (\text{công thức 1})$$

Hệ số K: được xác định theo đặc điểm loại hình dự án căn cứ vào quy mô đầu tư của dự án, quy mô tác động, tính chất và mức độ phức tạp của các tác động

đến môi trường của dự án. Hệ số K đã được phê duyệt làm cơ sở xây dựng mức thu phí ban hành tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của HĐND Thành phố và được áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Hệ số K được quy định như sau:

Biểu 2. Hệ số K theo loại hình dự án

TT	Loại hình dự án	Hệ số K
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	0,8
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	1,0
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	1,12
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,15
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	1,2
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	1,25
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	0,8

Giá trị A: chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định để tính ra giá trị A đã được xây dựng căn cứ các khoản chi và mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường.

Trên cơ sở tính toán theo công thức 1, mức phí thẩm định đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 và được tiếp tục áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

** Tính toán lại mức thu phí theo các quy định hiện hành làm cơ sở đề xuất sửa đổi mức thu phí:*

Với mục đích xây dựng phí là khoản thu đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết phục vụ cho hoạt động thẩm định; đề xuất tiếp tục áp dụng công thức tính phí theo công thức 1 với hệ số K vẫn được áp dụng theo biểu 2 (không điều chỉnh hệ số K); thực hiện tính toán lại giá trị A theo các khoản chi và mức chi quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố căn cứ vào quy trình giải quyết TTHC được ban hành và nhu cầu thẩm định thực tế.

Việc tính toán lại giá trị A, tính toán mức thu phí đề xuất sửa đổi được trình bày tại Phụ lục 2.1 và Phụ lục 2.2.

3.2. Đề xuất mức thu phí:

Trên cơ sở tính toán lại mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề xuất sửa đổi mức thu phí như sau:

**Biểu 3. Tổng hợp đề xuất sửa đổi mức thu phí thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường**
(Đối chiếu, so sánh với mức thu phí hiện hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-
HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ		Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng mức đầu tư > 500 tỷ	
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	Mức thu phí đề xuất sửa đổi
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,0	5,2	6,5	5,4	6,6	6,0	10,0	6,8	10,1
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,0	7,5	6,5	8,1	6,7	8,2	7,5	12,5	8,5	12,6
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,7	8,4	7,3	9,1	7,5	9,2	8,5	14,0	9,5	14,1
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	8,6	7,5	9,3	7,7	9,5	8,6	14,4	9,8	14,5
Nhóm 5: Dự án giao thông	7,2	9,0	7,8	9,7	8,0	9,9	9,0	15,0	10,0	15,1
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	7,5	9,4	8,0	10,2	8,4	10,3	9,5	15,6	11,0	15,7
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	5,2	6,5	5,4	6,6	6,0	10,0	6,8	10,1

Ghi chú:

- Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

- Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên; thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.

Biểu 4. Tổng hợp, so sánh, đối chiếu mức thu phí đề xuất sửa đổi với các quy định hiện hành áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội và mức thu phí đã ban hành tại một số tỉnh/thành phố khác

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

TT	Đối tượng thu phí	Hà Nội		Đà Nẵng	Nghệ An	Bình Dương	Đồng Nai	Bình Thuận	Hà Giang	Kiên Giang
I	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Mức thu phí đề xuất sửa đổi (thuộc thẩm quyền cấp UBND TP)	Mức thu phí theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	(Nghị quyết 47/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016)	(Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	(Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 20/7/2020)	(Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020)	(Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/01/2022)	(Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022)	(Nghị quyết 537/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021)
1	<i>Mức thu phí</i>	6.000.000 đến 15.700.000	5.000.000 đến 11.000.000	5.000.000 đến 26.000.000	12.900.000	5.000.000 đến 27.000.000	5.000.000 đến 26.000.000	8.000.000 đến 67.200.000	6.000.000 đến 42.000.000	6.000.000 đến 32.000.000
2	<i>Phương án tính phí</i>	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án	Theo các loại dự án nhóm II của Luật BVMT	Theo nhóm ngành nghề, quy mô nguồn vốn đầu tư của dự án

3.3. Đánh giá tính tương quan của mức thu phí đề xuất sửa đổi với các quy định hiện hành và với mức thu phí của các tỉnh, thành phố khác:

a) So sánh, đối chiếu với mức thu phí hiện hành quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố và của các tỉnh/thành phố khác:

Trên cơ sở tổng hợp số liệu về mức thu phí nêu tại biểu 4 cho thấy, mức thu phí đề xuất sửa đổi có tỷ lệ tăng thêm bình quân khoảng 64,21% (đối chiếu ở mức thu phí cao nhất) so với quy định hiện hành. Với mức tăng bình quân này, so với việc điều chỉnh mức chi cho hoạt động thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính về chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là không quá cao (mức chi điều chỉnh tăng bình quân cho hoạt động của hội đồng thẩm định khoảng 2 lần theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố). Mặt khác, so với mặt bằng chung về mức thu phí của một số tỉnh/thành phố, cho thấy mức thu phí đề xuất sửa đổi áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội không cao (mức thu phí bằng khoảng từ 23,36% - 60,38%).

Do vậy, theo đánh giá, phương án sửa đổi mức thu phí của Hà Nội đã bám sát quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Đề xuất mức thu phí được áp dụng thu ngay sau khi được HĐND Thành phố thông qua.

b) Đánh giá sự phù hợp của các mức thu phí giữa các phương thức cung cấp dịch vụ trực tuyến và trực tiếp:

Tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính quy định mức phí phải: *“b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến”*.

Theo quy trình TTHC được ban hành, TTHC “Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường” được thực hiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; phương thức thực hiện không có sự điều chỉnh so với quy định trước đây, hiện các Hồ sơ đang được tiếp nhận theo hình thức trực tiếp. Việc đề xuất sửa đổi mức thu phí đã được tuân thủ theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Đánh giá tính tương quan với các mức thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện

Tại điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính quy định: *“c) ... Quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định”*. Do vậy, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng sửa đổi mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020, đã nghiên cứu các mức thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện.

Theo Thông tư của Bộ Tài chính ban hành về phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã bao gồm chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định trong đó có chi phí cho kiểm tra thực địa, không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, đã bao gồm chi phí kiểm tra, không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định. Tương tự, Đề án đề xuất sửa đổi mức thu phí đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định. Do vậy, theo đánh giá, mức thu phí đề xuất sửa đổi áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có tính tương quan, tương đồng với các mức thu phí được Bộ Tài chính ban hành về các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định theo quy định của Luật BVMT hiện hành.

3.4. Dự toán thu, chi; tỷ lệ chi để lại:

Dự toán thu, chi và tỷ lệ chi cho hoạt động thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường được dự kiến theo số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trong 03 năm (2019-2021) của Sở Tài nguyên và Môi trường, tổng hợp theo biểu 5 (chi tiết tại phụ lục 3 đính kèm).

Biểu 5. Dự toán thu, chi cho hoạt động thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU ĐƯỢC (VNĐ)	GHI CHÚ
A	TỔNG DỰ TOÁN THU CẢ NĂM					
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường	Hồ sơ	80,3	9.700.000	778.910.000	Dự kiến theo số hồ bình quân 03 năm
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố	Hồ sơ	277	13.400.000	3.711.800.000	Dự kiến theo số hồ sơ năm 2021
	Tổng cộng				4.490.710.000	
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI CẢ NĂM					

I	Cấp thành phố					
1	Chi nội dung thẩm định (Cơ quan thường trực thẩm định: Sở TNMT)				4.199.971.800	
2	Tỷ lệ chi bình quân	%			93,53	

Ghi chú: Dự toán thu – chi được tính chung cho tất cả các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ vào dự toán thu – chi cho hoạt động thẩm định cho thấy mức thu phí đề xuất sửa đổi đã đáp ứng được nguyên tắc xây dựng phí và là chi phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết để đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định theo quy định.

VII. PHƯƠNG ÁN THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ

1. Phương án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

2. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí và hiệu quả thu phí

2.1. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí:

Trong thời gian qua, việc thực hiện thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ thẩm định. Việc thu nộp phí được các đối tượng nộp phí sẵn sàng chi trả theo quy định để được cung cấp dịch vụ và không có sự phản ánh, kiến nghị về mức thu. 100% hồ sơ được tiếp nhận tại Sở Tài nguyên và Môi trường đã thu đúng, thu đủ số phí theo quy định.

Nội dung của Đề án được xây dựng căn cứ vào các quy định hiện hành, kế thừa và sửa đổi một số mức chi cho phù hợp với các quy định về chi ngân sách. Với mức thu phí đề xuất sửa đổi có tỷ lệ tăng thêm bình quân khoảng 64,21% (đối chiếu ở mức thu phí cao nhất) so với quy định hiện hành, chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng mức đầu tư của dự án (khoảng 0,031⁰/₀₀ đến 0,12⁰/₀₀). Do vậy, mức thu phí đề xuất sửa đổi vẫn đảm bảo phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế trên địa bàn Thành phố và có tính tương đồng với nhiều tỉnh/thành phố trên cả nước. Các mức thu phí đề xuất sửa đổi tại Đề án là phù hợp, không có sự khác biệt theo mặt bằng chung; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp dịch vụ sẽ đồng tình và sẵn lòng chi trả các mức phí này. Bên cạnh đó, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố ngày càng tăng cao và từng bước cải thiện đời sống người dân, nên việc nộp phí sẽ thực hiện tốt.

3.2. Hiệu quả thu phí:

Mức thu phí đề xuất sửa đổi tại điểm 3.2 mục VI Đề án được xác định là khoản thu cơ bản, tối thiểu, cần thiết, đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo công bằng, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công nhân.

Đơn vị trực tiếp thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường, là đơn vị hành chính nhà nước trực tiếp tổ chức các hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không phải đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện. Sở Tài nguyên và Môi trường có tài khoản riêng, con dấu riêng, chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề xuất tiếp tục thực hiện phương án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đã quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Thành phố là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/6/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ Đề án “Sửa đổi, bổ sung phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất, kiến nghị như sau:

1. Đề nghị UBND Thành phố xem xét, chấp thuận và có Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và ban hành Nghị quyết “*về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020*”;

Trong đó đề xuất sửa đổi mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại điểm b khoản 18 Phần A thuộc Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

2. Căn cứ Nghị quyết được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, nếu mức tính phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không còn phù hợp hoặc có sự thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan; Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ chủ trì, phối hợp với Cục thuế Thành phố Hà Nội, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố xem xét, trình HĐND Thành phố xem xét, sửa đổi mức thu phí trong kỳ họp gần nhất cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1
TÍNH MỨC CHÊNH LỆCH TĂNG THÊM DO ĐIỀU CHỈNH MỨC CHI
THEO QUY ĐỊNH VỀ CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIỆN HÀNH

I. Bảng cân đối thu - chi từ nguồn thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong 3 năm (2019-2021)												
Năm	Tổng số phí thu được nộp vào ngân sách (đồng/năm)	Tổng số hồ sơ đủ điều kiện giải quyết (HS/năm)	Tính bình quân số phí thu được (đồng/HS)	Tổng số chi cho công tác thẩm định theo quyết toán năm (đồng/năm)	Chi trực tiếp cho Hội đồng thẩm định theo quyết toán năm (đồng/năm)	Chi khác theo quyết toán năm (đồng/năm)	Tính bình quân số chi đã quyết toán năm (đồng/HS)	Chênh lệch thu - chi (%)	Mức chi hợp HĐTĐ (có mặt đủ 100% số thành viên) (đồng/HS)	Mức chi hợp HĐTĐ (có mặt đủ 100% số thành viên) (đồng/năm)	Tổng chi (có mặt đủ 100% số thành viên HĐTĐ) (đồng/năm)	Chênh lệch bình quân (%)
2019	720.900.000	88	8.192.045	519.049.999	292.500.000	226.549.999	5.898.295	72,00	5.600.000	492.800.000	719.349.999	99,78
2020	731.400.000	95	7.698.947	529.612.249	292.450.000	237.162.249	5.574.866	72,41		532.000.000	769.162.249	105,20
2021	456.900.000	58	7.877.586	468.289.469	230.250.000	238.039.469	8.073.956	102,49		324.800.000	562.839.469	123,20
TB	636.400.000	80,3	7.922.860	505.650.572	271.733.333	233.917.239	6.515.706	82,30	5.600.000	449.866.667	683.783.906	107,40
II. Tính tổng mức chi tăng thêm do tăng định mức chi cho hoạt động của hội đồng thẩm định theo quy định về chi sự nghiệp bảo vệ môi trường												
STT	Nội dung chi	TTLT số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT và theo thực tế			TT số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND			Mức chênh lệch tăng thêm (%)				
		Khối lượng	Mức chi (đồng/buổi)	Thành tiền (đồng)	Khối lượng	Mức chi (đồng/buổi)	Thành tiền (đồng)					
I	Chi hợp Hội đồng thẩm định			3.490.000			5.600.000	160				
1	- Chủ tịch hội đồng	1	300.000	300.000	1	700.000	700.000					
2	- Phó chủ tịch hội đồng	1	250.000	250.000	1	600.000	600.000					
3	- Ủy viên, thư kí hội đồng	3	200.000	600.000	5	300.000	1.500.000					
4	-Ủy viên phản biện	2	400.000	800.000								
5	- Bài nhận xét của UVPB				2	500.000	1.000.000					
6	- Bài nhận xét của ủy viên	7	200.000	1.400.000	5	300.000	1.500.000					

7	- Đại biểu tham dự	2	70.000	140.000	2	150.000	300.000	
II	Chi khảo sát thực tế			120.000			1.000.000	833
1	Công khảo sát thực địa của cán bộ chuyên trách	1	120.000	120.000	0		0	0
2	Thuê chuyên gia ngoài tham gia	0		0	2	500.000	1.000.000	
	Tổng cộng			3.610.000			6.600.000	
	Tổng mức chi tăng thêm						2.990.000	183

PHỤ LỤC 2.1.

Tính toán chi phí cần thiết tương ứng với từng tổng mức đầu tư của dự án (A) thuộc đối tượng dự án nhóm II phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020
(Theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017)

DVT: Đồng/hồ sơ

Nội dung chi	Định mức	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ		Căn cứ pháp lý
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1. Chi hội đồng			5.600.000		5.900.000		5.900.000		7.100.000		7.100.000	
- Chủ tịch hội đồng	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	1	700.000	Mục 6 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
- Phó chủ tịch hội đồng	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	1	600.000	
- Ủy viên, thư kí Hội đồng	300.000	5	1.500.000	5	1.500.000	5	1.500.000	7	2.100.000	7	2.100.000	
- Bài nhận xét của UVPB	500.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	
- Bài nhận xét của ủy viên	300.000	5	1.500.000	5	1.500.000	5	1.500.000	7	2.100.000	7	2.100.000	
- Đại biểu tham dự	150.000	2	300.000	4	600.000	4	600.000	4	600.000	4	600.000	
2. Chi khác			1.910.000		2.220.000		2.320.000		2.320.000		2.400.000	
- Văn phòng phẩm			100.000		100.000		100.000		100.000		100.000	Giữ nguyên theo mức
- Phô tô in ấn tài liệu			250.000		250.000		300.000		300.000		300.000	

Nội dung chi	Định mức	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ		Căn cứ pháp lý
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
- Phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại cho cán bộ giải quyết hồ sơ			300.000		300.000		300.000		300.000		300.000	Chỉ cũ đã được duyệt tại NQ 06/2020/NQ-HĐND
- Hỗ trợ điện thoại			100.000		100.000		100.000		100.000		180.000	
- Chi khác			260.000		270.000		270.000		320.000		320.000	
- Thuê Phòng họp			900.000		900.000		900.000		900.000		900.000	
- Máy chiếu, màn chiếu					300.000		300.000		300.000		300.000	
3. Khảo sát thực tế địa điểm thực hiện dự án và khu vực phụ cận hoặc cơ sở có nội dung đầu tư tương tự dự án									3.064.000		3.064.000	
Công khảo sát thực địa của cán bộ chuyên trách	120.000							0	0	0	0	Điều chỉnh theo Mục 6.5 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
Thuê chuyên gia môi trường khảo sát	500.000							2	1.000.000	2	1.000.000	
Thuê xe khảo sát thực tế (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)	24.570							84	2.064.000	84	2.064.000	Điều chỉnh theo Tiết b.2 Mục III Phụ lục 03 kèm theo NQ 09/2017/NQ-HĐND
Tổng kinh phí thẩm định:			7.510.000		8.120.000		8.220.000		12.484.000		12.564.000	

PHỤ LỤC 2.2.

Tính toán mức thu phí thẩm định (đề xuất sửa đổi) đối với dự án đầu tư nhóm II thuộc đối tượng phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020

Nhóm Dự án	Mức thu phí theo tổng vốn đầu tư của Dự án (nghìn đồng/hồ sơ)										
	Hệ số K	Tổng vốn ĐT ≤ 50 tỷ		Tổng vốn ĐT >50 và ≤ 100 tỷ		Tổng vốn ĐT >100 và ≤ 200 tỷ		Tổng vốn ĐT >200 và ≤ 500 tỷ		Tổng vốn ĐT >500 tỷ	
		Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn	Mức thu	Làm tròn
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	0,8	6.008	6.000	6.496	6.500	6.576	6.600	9.987	10.000	10.051	10.100
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	1,0	7.510	7.500	8.120	8.100	8.220	8.200	12.484	12.500	12.564	12.600
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	1,12	8.411	8.400	9.094	9.100	9.206	9.200	13.982	14.000	14.072	14.100
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,15	8.637	8.600	9.338	9.300	9.453	9.500	14.356	14.400	14.448	14.500
Nhóm 5: Dự án giao thông	1,20	9.012	9.000	9.744	9.700	9.864	9.900	14.981	15.000	15.077	15.100
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	1,25	9.388	9.400	10.150	10.200	10.275	10.300	15.605	15.600	15.705	15.700
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	0,8	6.008	6.000	6.496	6.500	6.576	6.600	9.987	10.000	10.051	10.100

Ghi chú:

1. Mức thu phí nêu trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

2. Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên; thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.

PHỤ LỤC 3

Dự toán cả năm về thu và chi từ thu phí thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Cơ sở lập dự toán:

- Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và số 116/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về chi lương, tiền công;
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Hà nội ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà nội;
- Một số hạng mục không có trong định mức, căn cứ vào chi phí thực tế.

2. Dự toán thu phí nộp ngân sách nhà nước (tính theo năm):

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU (VNĐ)	GHI CHÚ
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường	Hồ sơ	80,3	9.700.000	778.910.000	Dự kiến theo số hồ sơ bình quân 03 năm
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố	Hồ sơ	277	13.400.000	3.711.800.000	Dự kiến theo số hồ sơ năm 2021
	Tổng cộng				4.490.710.000	

Ghi chú:

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường: được áp mức thu phí bình quân tương đương trên cơ sở đối chiếu mức thu phí bình quân giai đoạn 2019-2021 theo nhóm dự án đã được tiếp nhận giải quyết.
2. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường: áp dụng mức thu phí cho đối tượng cấp lần đầu.

3. Dự toán chi cho hoạt động thẩm định (tính theo năm)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU (VNĐ)	GHI CHÚ
A	Chi nội dung thẩm định thuộc thẩm quyền cấp Thành phố (Cơ quan thường trực thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường)				4.199.971.800	
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường				1.144.428.400	
1	<i>Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định</i>	Hồ sơ	80,3	1.000.000	80.300.000	
	<i>Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (01 Hồ sơ)</i>	Bài nx	2	500.000	1.000.000	
2	Tổng chi hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường				486.618.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	80	6.060.000	486.618.000	
	<i>Hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1 Hồ sơ)</i>				6.060.000	Số lượng từ 7-9 thành viên tùy dự án
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	700.000	700.000	
	Phó chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	600.000	600.000	
	Thành viên Hội đồng (5 người x 01 buổi)	người	5	300.000	1.500.000	
	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện (2 người)	bài nx	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng (5 người)	bài nx	5	300.000	1.500.000	
	Đại biểu mời tham dự (04 người x 01 buổi)	Người	4	150.000	600.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (07 Thành viên hội đồng, 04 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	

3	Tổng chi phí phục vụ cho kiểm tra các dự án	Hồ sơ	80,3	3.063.880	245.110.400	
	Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 hồ sơ)				3.063.880	
	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	lít	84	24.570	2.063.880	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	500.000	1.000.000	
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố				2.917.973.400	
1	Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định		277	1.000.000	277.000.000	
	Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (01 hồ sơ)	Bài nhận xét	2	500.000	1.000.000	
2	Hợp thẩm định cấp giấy phép môi trường				1.623.220.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	277	5.860.000	1.623.220.000	
	Hợp thẩm định cấp giấy phép môi trường (1 Hồ sơ)				5.860.000	Số lượng từ 5-7 thành viên tùy dự án
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	700.000	700.000	
	Phó chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	600.000	600.000	
	Thành viên Hội đồng (5 người x 01 buổi)	người	5	300.000	1.500.000	
	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện (2 người)	bài nx	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng (5 người)	bài nx	5	300.000	1.500.000	
	Đại biểu mời tham dự	Người	4	100.000	400.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (07 Thành viên hội đồng, 04 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	
3	Tổng chi phí phục vụ cho đoàn kiểm tra, tổ chức khảo sát	Hồ sơ	277	2.474.200	685.353.400	

	thực tế tại địa điểm triển khai các dự án, cơ sở					
	Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 Hồ sơ)				2.474.200	
	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 60km cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	ngày	60	24.570	1.474.200	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	500.000	1.000.000	
4	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định	Hồ sơ	277	1.200.000	332.400.000	
	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định trong trường hợp cần thiết (03 chuyên gia) (01 hồ sơ)	bài nx	3	400.000	1.200.000	theo thực tế xử lý hồ sơ
III	Chi quản lý chung của cơ quan thẩm định				137.570.000	Tạm tính theo Dự toán duyệt 2021
	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước...)	Tháng	12		25.000.000	
	Thanh toán văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng...	Tháng	12		30.000.000	
	Thông tin liên lạc, cước điện thoại, cước bưu chính...	Hồ sơ	357	10.000	3.570.000	Tạm tính
	Chi thuê mướn (phương tiện, thiết bị...)	Tháng	12	4.500.000	54.000.000	Tạm tính
	Chi phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất thiết bị dùng cho công tác chuyên môn				20.000.000	
	Chi khác				5.000.000	
IV	Tỷ lệ chi (Tổng chi/Tổng thu)	%			93,53	



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐỀ ÁN

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHÍ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, gửi kèm theo Tờ trình liên ngành số 28438/TT-LN:CTHN-TNMT ngày 17-tháng 6 năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)

Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành, thay thế Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật BVMT). Ngày 10/01/2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BVMT được ban hành. Theo đó, Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 và được UBND Thành phố công bố tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022, đã công bố TTHC ban hành thay thế, trong đó có TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản”, không còn TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại các văn bản: số 10855/VP-KT ngày 12/10/2021, số 3485/VP-KT ngày 14/4/2022, số 4433/VP-KTTH ngày 16/5/2022 và số 1471/UBND-KTTH ngày 16/5/2022 về việc bổ sung danh mục Nghị quyết quy phạm pháp luật và triển khai các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố; trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế Thành phố Hà Nội và các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án “Sửa đổi, bổ sung phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội” với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;

- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Tình hình thực hiện thu phí trong thời gian qua

1.1. Tổ chức thu phí:

Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện thu phí và nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm đối với “Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung” (gồm 02 mức thu là 5.600.000 đồng và 8.800.000 đồng/hồ sơ)

được áp dụng thu đối với các tổ chức, cá nhân là chủ dự án, cơ sở khai thác khoáng sản thuộc đối tượng nộp phí theo quy định.

Trong thời gian ba năm qua (2019, 2020, 2021), Sở Tài nguyên và Môi trường không thu được phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản, do không có Hồ sơ đề nghị thẩm định trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, công tác thu phí thẩm định trước đây không gặp khó khăn, vướng mắc hoặc nhận được các ý kiến phản ánh, kiến nghị về mức thu phí từ các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ.

1.2. Một số vấn đề thực tiễn:

Trong quá trình thực hiện quản lý và sử dụng phí cho thấy:

- Các mức thu phí của phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung chưa có sự sửa đổi mức thu cho phù hợp với quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hiện hành. Hiện nay, các mức chi cho hoạt động thẩm định đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường¹ và chi theo thực tế. Tuy nhiên, căn cứ xây dựng các mức thu phí của khoản phí này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Tài nguyên và Môi trường², đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

Theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC, các mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định được điều chỉnh tăng trung bình hơn 2 lần, dẫn tới tổng chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định thực tế sẽ tăng thêm bình quân 2.990.000 đồng/hồ sơ/1 lần thẩm định (trong trường hợp hợp đủ số thành viên theo quy định) và tăng trung bình năm khoảng 23,2%/năm.

- Tham khảo mức thu phí đã được ban hành tại một số tỉnh, thành phố khác cho thấy, các mức thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội còn thấp, chưa bằng 50% so với mức thu phí của một số tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Thuận, Kiên Giang³;....

¹ Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 của Bộ Tài chính; các khoản chi liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định, mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

² Mức thu phí của phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được xây dựng và thông qua tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố. Các mức thu phí được tiếp tục áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

³ *Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: Đà Nẵng (13.000.000 đồng/hồ sơ), Đồng Nai (từ 5.000.000 đồng/hồ sơ đến 15.600.000 đồng/hồ sơ), Bình Dương (từ 10.000.000 đồng/hồ sơ đến 27.000.000 đồng/hồ sơ), Kiên Giang (từ 6.000.000 đồng/hồ sơ đến 26.000.000 đồng/hồ sơ), Hà Giang (20.000.000 đồng/hồ sơ), Bình Thuận (từ 4.000.000 đồng/hồ sơ đến 42.000.000 đồng/hồ sơ); Nghệ An (12.900.000 đồng/hồ sơ).

2. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

2.1. Phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020:

Theo Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được công bố, đã ban hành TTHC thay thế “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho hoạt động khai thác khoáng sản”, không còn TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”. Do vậy, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung phải được sửa đổi tên khoản phí, đối tượng nộp phí cho phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2. Phù hợp với tình hình thực tiễn của Thủ đô:

Trong vài năm gần đây, Sở Tài nguyên và Môi trường không nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của các dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, với vị trí là thủ đô, là đô thị đặc biệt; việc đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội yêu cầu phải có sự đánh giá tác động môi trường một cách toàn diện; nhằm đưa ra được các giải pháp bảo vệ môi trường khả thi, giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường. Với mức thu chưa tương xứng, sẽ gây khó khăn cho công tác thẩm định, chưa phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô Hà Nội.

Do vậy, căn cứ quy trình giải quyết TTHC đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND Thành phố công bố, thực hiện sửa đổi mức thu phí theo hướng sửa đổi tăng mức thu phí trên cơ sở thực hiện tính toán lại mức thu phí theo quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các quy định khác về quản lý tài chính, ngân sách và chi tiêu của Trung ương và của thành phố Hà Nội hiện hành; đảm bảo nguyên tắc xây dựng phí quy định tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí và Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính), phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô và có tính tương đồng với các tỉnh, thành phố khác.

Như vậy, cần thiết phải xây dựng Đề án thu phí làm căn cứ ban hành Nghị quyết về việc *sửa đổi* phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội với nội dung sửa đổi tên gọi, đối tượng nộp phí và mức thu phí được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố (*bỏ đối tượng thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung*).

III. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Mục đích: là cơ sở để ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn thành phố Hà Nội, đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên, phù hợp với đặc điểm thực tế của Thành phố Hà Nội và các quy định quản lý tài chính, ngân sách hiện hành,

đảm bảo thuận lợi trong việc triển khai, áp dụng chính sách được đồng bộ, thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Đối tượng nộp phí, miễn phí, giảm phí:

3.1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở khai thác khoáng sản nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND Thành phố.

3.2. Đối tượng miễn phí, giảm phí: Không có

V. PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Quy định chung về việc thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo Luật BVMT

Điều 28 Luật BVMT đã quy định tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư thành 04 nhóm, gồm có:

- Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (khoản 3);

- Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 4);

- Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 5);

- Dự án đầu tư nhóm IV là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 6).

Các thủ tục môi trường cần thực hiện đối với hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở trong suốt quá trình hoạt động như sau:

Biểu 1. Tổng hợp trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường trong quá trình đầu tư và hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở theo quy định của Luật BVMT năm 2020

TT	Loại dự án	Trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý trong suốt quá trình hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở						Thẩm quyền
1.	Nhóm I	Đánh giá tác động môi trường sơ bộ trong giai đoạn đề xuất chủ trương đầu	Đánh giá tác động môi trường	Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 07 năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường

trường mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ và trách nhiệm phải thực hiện để bảo vệ môi trường.

Do vậy, căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí theo quy định của pháp luật hiện hành; xác định nguyên tắc xây dựng mức thu phí là khoản thu để bù đắp toàn bộ chi phí thực hiện các hoạt động thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ xây dựng mức thu phí

2.1. Cơ sở pháp lý về quản lý tài chính:

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Và các khoản chi khác theo thực tế.

2.2. Đề xuất phương án sửa đổi mức thu phí:

Trên cơ sở tham khảo mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 và quy trình giải quyết TTHC đã được công bố, đề xuất sửa đổi “Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường” theo phương án tính toán lại các khoản chi phí (chi phí trực tiếp và chi phí khác) cho hoạt động thẩm định theo các mức chi hiện hành tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố Hà Nội.

3. Xây dựng mức thu phí

3.1. Tính toán lại mức thu phí:

Căn cứ các quy định về xây dựng mức thu phí tại điểm 2 Mục VI Đề án, mức thu phí được tính toán điều chỉnh theo phương án như sau:

- Là khoản thu đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết phục vụ cho hoạt động thẩm định; tuân thủ theo đúng quy trình giải quyết TTHC đã được ban hành và hoạt động thẩm định thực tế;

- Việc tính toán mức thu phí đề xuất sửa đổi và đối chiếu, so sánh với mức thu phí thẩm định đang được áp dụng theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 được trình bày tại Phụ lục 1.

3.2. Đề xuất mức thu phí:

Trên cơ sở tính toán lại mức thu phí thẩm định phương án, cải tạo phục hồi môi trường; đề xuất sửa đổi mức thu phí như sau:

TT	Nội dung thu phí	Mức thu phí theo NQ 06/2020/NQ- HĐND (đồng/hồ sơ)	Mức thu phí đề xuất sửa đổi (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường)	5.600.000	7.300.000
2	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định	8.800.000	13.100.000

- Mức thu phí nêu trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Biểu 2. Tổng hợp, so sánh, đối chiếu mức thu phí đề xuất sửa đổi với các quy định hiện hành áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội và mức thu phí đã ban hành tại một số tỉnh/thành phố khác

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

TT	Đối tượng thu phí	Hà Nội		Đà Nẵng	Nghệ An	Bình Dương	Đồng Nai	Bình Thuận	Hà Giang	Kiên Giang
II	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	Mức thu phí đề xuất sửa đổi (thuộc thẩm quyền cấp UBND TP)	Mức thu phí theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	(Nghị quyết 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016)	(Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	(Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 20/7/2020)	(Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020)	(Nghị quyết 47/2018/NQ-HĐND ngày 30/3/2018)	(Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022)	(Nghị quyết 130/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018)
1	<i>Mức thu phí</i>	7.300.000 và 13.100.000	5.600.000 và 8.800.000	13.000.000	12.900.000	10.000.000 đến 27.000.000	5.000.000 đến 15.600.000	4.000.000 đến 42.000.000	20.000.000	6.000.000 đến 26.000.000
2	<i>Phương án tính phí</i>	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án theo phương thức thẩm định		Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Áp dụng theo tổng mức đầu tư của dự án	Áp dụng theo tổng mức đầu tư của dự án	Áp dụng theo tổng mức đầu tư của dự án và theo phương thức thẩm định	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Áp dụng theo tổng mức đầu tư của dự án

3.3. Đánh giá tính tương quan của mức thu phí đề xuất sửa đổi với các quy định hiện hành và với mức thu phí của các tỉnh, thành phố khác:

a) So sánh, đối chiếu với mức thu phí hiện hành theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố và của các tỉnh/thành phố khác:

Trên cơ sở tổng hợp số liệu về mức thu phí tại biểu 2 cho thấy, mức thu phí đề xuất sửa đổi có tỷ lệ bình quân tăng thêm khoảng 48,8 % so với mức thu phí hiện hành (theo mức thu phí cao nhất), tỷ lệ tăng mức thu phí cũng chênh lệch không lớn với tỷ lệ tăng mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đề xuất sửa đổi (tăng 64,21%). Như vậy, mức tăng bình quân này so với việc điều chỉnh mức chi cho hoạt động thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính về chi sự nghiệp môi trường là không quá cao (mức chi điều chỉnh tăng bình quân cho hoạt động của hội đồng thẩm định khoảng 2 lần theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố) và có sự tương đồng với các mức thu phí thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường khác. Mặt khác, so với mặt bằng chung, mức thu phí đề xuất điều chỉnh áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội không cao so với một số tỉnh/thành khác (mức phí bằng < 31,23%), mức thu phí đề xuất điều chỉnh đã ngang bằng với Đà Nẵng (thành phố trực thuộc trung ương).

Do vậy, theo đánh giá, phương án sửa đổi mức thu phí của Hà Nội đã bám sát quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Đề xuất mức thu phí được áp dụng thu ngay sau khi được HĐND Thành phố thông qua.

b) Đánh giá sự phù hợp của các mức thu phí giữa các phương thức cung cấp dịch vụ trực tuyến và trực tiếp:

Tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính quy định mức phí phải: *“b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến”*.

Theo quy trình TTHC được ban hành, TTHC “Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản” được thực hiện Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; phương thức thực hiện không có sự điều chỉnh so với quy định trước đây, hiện các Hồ sơ được tiếp nhận theo hình thức trực tiếp. Việc đề xuất sửa đổi mức thu phí đã được tuân thủ theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Đánh giá tính tương quan với các mức thu phí thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường do cơ quan trung ương thực hiện:

Tại điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính quy định: *“c) ... Quy định mức thu phí, lệ phí cần*

đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định". Do vậy, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng sửa đổi mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020, đã nghiên cứu các mức thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện.

Theo Thông tư của Bộ Tài chính ban hành về phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã bao gồm chi phí kiểm tra, không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (nay đề xuất sửa đổi là "Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường") được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố đã bao gồm chi phí kiểm tra, không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định. Đề án đề xuất sửa đổi mức thu phí đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Do vậy, theo đánh giá, mức thu phí đề xuất sửa đổi trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có tính tương quan, tương đồng với các mức thu phí được Bộ Tài chính ban hành về các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định theo quy định của Luật BVMT hiện hành.

3.4. Dự toán thu, chi; tỷ lệ chi để lại:

Dự toán thu, chi và tỷ lệ chi cho hoạt động thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường được dự kiến theo số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trong 03 năm (2019-2021) của Sở Tài nguyên và Môi trường, tổng hợp theo biểu 3 (*chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm*).

Biểu 3. Dự toán thu, chi cho hoạt động thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU ĐƯỢC (VNĐ)	GHI CHÚ
A	TỔNG DỰ TOÁN THU CẢ NĂM					
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường	Hồ sơ	80,3	9.700.000	778.910.000	Dự kiến theo số hồ sơ bình quân 03 năm
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp	Hồ sơ	277	13.400.000	3.711.800.000	Dự kiến theo số hồ sơ

	thành phố					năm 2021
	Tổng cộng				4.490.710.000	
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI CẢ NĂM					
I	Cấp thành phố					
1	Chi nội dung thẩm định (Cơ quan thường trực thẩm định: Sở TNMT)				4.199.971.800	
2	Tỷ lệ chi bình quân	%			93,53	

Ghi chú: Dự toán thu – chi được tính chung cho tất cả các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ vào dự toán thu – chi cho hoạt động thẩm định cho thấy mức thu phí đề xuất điều chỉnh đã đáp ứng được nguyên tắc xây dựng phí, đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định theo quy định.

VII. PHƯƠNG ÁN THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ

1. Phương án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

2. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí và hiệu quả thu phí

2.1. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí:

Trong 3 năm gần đây, tuy không có hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung nên khó có thể đánh giá. Song kể từ khi có quy định thu phí thẩm định đối với các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung cho hoạt động khai thác khoáng sản, công tác thu phí của Sở Tài nguyên và Môi trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi tiêu cực từ phía các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ, các hồ sơ đã được tiếp nhận trước đây tại Sở Tài nguyên và Môi trường được thu đúng, thu đủ mức phí theo quy định.

Nội dung của Đề án được xây dựng căn cứ vào các quy định hiện hành, kế thừa và sửa đổi một số khoản chi phí cho phù hợp theo quy định về chi ngân sách hiện hành. Mức thu phí đề xuất sửa đổi có mức chi phí bình quân tăng thêm khoảng 48,86%, chênh lệch không lớn với tỷ lệ sửa đổi tăng thêm của mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do vậy, vẫn đảm bảo phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế trên địa bàn Thành phố. Theo đánh giá về tính tương quan với các quy định của trung ương và của một số tỉnh, thành phố khác; mức thu phí và phương án tính phí đang đề xuất tại Đề án là phù hợp, không có sự khác biệt theo mặt bằng chung. Do vậy, các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch

vụ sẽ đồng tình và sẵn lòng chi trả các mức phí này. Bên cạnh đó, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố ngày càng tăng cao và từng bước cải thiện đời sống người dân nên việc nộp phí sẽ thực hiện tốt.

2.2. Hiệu quả thu phí:

Mức thu phí đề xuất điều chỉnh tại điểm 3.2 mục VI Đề án được xác định là khoản thu cơ bản, tối thiểu, cần thiết đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo công bằng, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công nhân.

Đơn vị trực tiếp thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị hành chính nhà nước trực tiếp tổ chức các hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không phải đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện. Sở Tài nguyên và Môi trường có tài khoản riêng, con dấu riêng, chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc đề xuất tiếp tục thực hiện phương án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đã ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/6/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ Đề án “Sửa đổi, bổ sung phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất, kiến nghị như sau:

1. Đề nghị UBND Thành phố xem xét, chấp thuận và có Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội thông qua và ban hành Nghị quyết “*về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020*”;

Trong đó đề xuất sửa đổi tên khoản phí, đối tượng nộp phí và mức thu phí của phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung quy định tại điểm a và điểm b khoản 21 Phần A thuộc Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

2. Căn cứ Nghị quyết được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ ban hành Quyết định tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, nếu mức tính phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường không còn phù hợp hoặc có sự thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan; Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ chủ trì, phối hợp với Cục thuế Thành phố Hà Nội, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố xem xét, trình HĐND Thành phố xem xét, sửa đổi mức thu phí trong kỳ họp gần nhất cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1.

Tính toán mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, so sánh với mức thu phí ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

Nội dung chi	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường chỉ thông qua Hội Đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế						Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội Đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa					
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi			Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi		
	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền
1. Chi hội đồng			3.350.000			5.600.000			4.220.000			7.100.000
- Chủ tịch hội đồng	300.000	1	300.000	700.000	1	700.000	300.000	1	300.000	700.000	1	700.000
- Phó chủ tịch hội đồng	250.000	1	250.000	600.000	1	600.000	250.000	1	250.000	600.000	1	600.000
- Ủy viên, thư kí	200.000	3	600.000	300.000	3	900.000	200.000	5	1.000.000	300.000	5	1.500.000
- Ủy viên phản biện	400.000	2	800.000	300.000	2	600.000	400.000	2	800.000	300.000	2	600.000
- Bài nhận xét của UVPB				500.000	2	1.000.000				500.000	2	1.000.000
- Bài nhận xét của ủy viên	200.000	7	1.400.000	300.000	5	1.500.000	200.000	9	1.800.000	300.000	7	2.100.000
- Đại biểu tham dự				150.000	2	300.000	70.000	1	70.000	150.000	4	600.000
2. Chi khác			1.710.000			1.710.000			2.170.000			2.320.000
- Văn phòng phẩm			100.000			100.000			100.000			100.000
- Phô tô in ấn tài liệu			250.000			250.000			300.000			300.000
- Phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại cho cán bộ giải quyết hồ sơ			200.000			200.000			250.000			250.000

Nội dung chi	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường chỉ thông qua Hội Đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế						Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội Đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa					
	Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi			Theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND			Đề xuất sửa đổi		
	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 45/2010/TT-LT-BTC-BTNM và chi thực tế	Số lượng	Thành tiền	Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND; NQ số 09/2017/NQ-HĐND	Số lượng	Thành tiền
- Hỗ trợ điện thoại			100.000			100.000			100.000			250.000
- Chi khác			160.000			160.000			270.000			270.000
- Thuê Phòng họp			900.000			900.000			900.000			900.000
- Máy chiếu, màn chiếu									250.000			250.000
3. Khảo sát thực tế địa điểm thực hiện dự án hoặc cơ sở									1.620.000			3.653.560
Công khảo sát thực địa cán bộ chuyên trách							120.000	1	120.000	0		
Thuê chuyên gia môi trường khảo sát							250.000	2	500.000	500.000	2	1.000.000
Thuê xe khảo sát thực tế (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)							1.000.000	1	1.000.000	24.570	108	2.653.560
Tổng phí thẩm định:			5.060.000			7.310.000			8.010.000			13.073.000
Nộp ngân sách (10%)			506.000			0			800.000			0
Tổng:			5.566.000			7.300.000			8.810.000			13.073.000
Làm tròn			5.600.000			7.300.000			8.800.000			13.100.000

PHỤ LỤC 2.

Dự toán cả năm về thu và chi từ thu phí thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Cơ sở lập dự toán:

- Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và số 116/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về chi lương, tiền công;
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Hà nội ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà nội;
- Một số hạng mục không có trong định mức, căn cứ vào chi phí thực tế.

2. Dự toán thu phí nộp ngân sách nhà nước (tính theo năm):

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU (VNĐ)	GHI CHÚ
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường	Hồ sơ	80,3	9.700.000	778.910.000	Dự kiến theo số hồ sơ bình quân 03 năm
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố	Hồ sơ	277	13.400.000	3.711.800.000	Dự kiến theo số hồ sơ năm 2021
	Tổng cộng				4.490.710.000	

Ghi chú:

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường: được áp mức thu phí bình quân tương đương trên cơ sở đối chiếu mức thu phí bình quân giai đoạn 2019-2021 theo nhóm dự án đã được tiếp nhận giải quyết.
2. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường: áp dụng mức thu phí cho đối tượng cấp lần đầu.

3. Dự toán chi cho hoạt động thẩm định (tính theo năm)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU (VNĐ)	GHI CHÚ
A	Chi nội dung thẩm định thuộc thẩm quyền cấp Thành phố (Cơ quan thường trực thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường)				4.199.971.800	
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường				1.144.428.400	
1	<i>Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định</i>	Hồ sơ	80,3	1.000.000	80.300.000	
	<i>Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (01 Hồ sơ)</i>	Bài nx	2	500.000	1.000.000	
2	Tổng chi hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường				486.618.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	80	6.060.000	486.618.000	
	<i>Hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1 Hồ sơ)</i>				6.060.000	Số lượng từ 7-9 thành viên tùy dự án
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	700.000	700.000	
	Phó chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	600.000	600.000	
	Thành viên Hội đồng (5 người x 01 buổi)	người	5	300.000	1.500.000	
	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện (2 người)	bài nx	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng (5 người)	bài nx	5	300.000	1.500.000	
	Đại biểu mời tham dự (04 người x 01 buổi)	Người	4	150.000	600.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (07 Thành viên hội đồng, 04 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	

3	Tổng chi phí phục vụ cho kiểm tra các dự án	Hồ sơ	80,3	3.063.880	245.110.400	
	<i>Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 hồ sơ)</i>				3.063.880	
	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	lít	84	24.570	2.063.880	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	500.000	1.000.000	
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố				2.917.973.400	
1	Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định		277	1.000.000	277.000.000	
	Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (01 hồ sơ)	Bài nhận xét	2	500.000	1.000.000	
2	Hợp thẩm định cấp giấy phép môi trường				1.623.220.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	277	5.860.000	1.623.220.000	
	<i>Hợp thẩm định cấp giấy phép môi trường (1 Hồ sơ)</i>				5.860.000	Số lượng từ 5-7 thành viên tùy dự án
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	700.000	700.000	
	Phó chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	600.000	600.000	
	Thành viên Hội đồng (5 người x 01 buổi)	người	5	300.000	1.500.000	
	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện (2 người)	bài nx	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng (5 người)	bài nx	5	300.000	1.500.000	
	Đại biểu mời tham dự	Người	4	100.000	400.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (07 Thành viên hội đồng, 04 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	

3	Tổng chi phí phục vụ cho đoàn kiểm tra, tổ chức khảo sát thực tế tại địa điểm triển khai các dự án, cơ sở	Hồ sơ	277	2.474.200	685.353.400	
	Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 Hồ sơ)				2.474.200	
	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 60km cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	ngày	60	24.570	1.474.200	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	500.000	1.000.000	
4	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định	Hồ sơ	277	1.200.000	332.400.000	
	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định trong trường hợp cần thiết (03 chuyên gia) (01 hồ sơ)	bài nx	3	400.000	1.200.000	theo thực tế xử lý hồ sơ
III	Chi quản lý chung của cơ quan thẩm định				137.570.000	Tạm tính theo Dự toán duyệt 2021
	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước...)	Tháng	12		25.000.000	
	Thanh toán văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng...	Tháng	12		30.000.000	
	Thông tin liên lạc, cước điện thoại, cước bưu chính...	Hồ sơ	357	10.000	3.570.000	Tạm tính
	Chi thuê mướn (phương tiện, thiết bị...)	Tháng	12	4.500.000	54.000.000	Tạm tính
	Chi phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất thiết bị dùng cho công tác chuyên môn				20.000.000	
	Chi khác				5.000.000	
IV	Tỷ lệ chi (Tổng chi/Tổng thu)	%			93,53	



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐỀ ÁN

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, gửi kèm theo Tờ trình liên ngành số 28438/TTrLN:CTHN-TNMT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)

Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14¹ có hiệu lực thi hành, thay thế Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13; một số khoản phí thuộc Danh mục phí và lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã có sự sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; trong đó có quy định: “Bổ sung phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường”; “Bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi”.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại các văn bản: số 10855/VP-KT ngày 12/10/2021, số 3485/VP-KT ngày 14/4/2022, số 4433/VP-KTTH ngày 16/5/2022 và số 1471/UBND-KTTH ngày 16/5/2022 về việc bổ sung danh mục Nghị quyết quy phạm pháp luật và triển khai các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố; trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố Hà Nội và các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án “Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội” với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

¹ Khoản 4 Điều 169 Luật BVMT 2020 quy định: “4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14”

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Tình hình thực hiện thu phí trong thời gian qua

1.1. Tổ chức thu phí:

Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị khác đã thực hiện thu phí và nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm đối với “Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi” (mức thu trong phạm vi từ 5.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/đề án), được áp dụng thu đối với các đối tượng phải có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14 và Luật số 35/2018/QH14.

Trong 3 năm (2019, 2020, 2021), Sở Tài nguyên và Môi trường đã thu được số phí bình quân đạt 1.959.066.667 đồng/năm, trung bình 5.949.185 đồng/Đề án xả nước thải vào nguồn nước. Chi cho công tác thẩm định được ngân sách nhà nước cấp lại để phục vụ: chi hoạt động kiểm tra, hội đồng thẩm định, mua sắm

văn phòng phẩm, điện nước, thông tin liên lạc, sửa chữa máy móc thiết bị, ... phục vụ công tác thẩm định. Các mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố ban hành về một số mức chi bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện thu đúng, thu đủ số phí phải nộp đối với các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Công tác thu phí nhận được sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ thẩm định và không gặp khó khăn, vướng mắc hay có sự phản ánh, kiến nghị về mức thu phí.

1.2. Một số vấn đề thực tiễn:

Trong quá trình giải quyết TTHC theo quy định; một số hoạt động thẩm định chưa có kinh phí để chi trả như: thù lao viết bài nhận xét của thành viên hội đồng, ủy viên phản biện sau thẩm định (nhận xét lại); chi phí trả, nước phát sinh khi phục vụ cuộc họp; chi tiền chuyển hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự, chi thư tín, liên lạc...

2. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

Tại khoản 4 Điều 169 Luật BVMT năm 2020 quy định: “*b) Bổ sung điểm 1.6 và sau điểm 1.5 (Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường)*” và “*c) Bãi bỏ điểm 5.4, điểm 6.3 và tiểu mục 9*” trong Mục IX- Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục phí, lệ phí; cụ thể đối với khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh là điểm 5.4 Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung của một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó đã quy định sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều có liên quan đến 02 khoản phí này.

Do đó, cần thiết xây dựng Đề án thu phí làm căn cứ ban hành Nghị quyết nhằm **bổ sung, bãi bỏ** đối 02 khoản phí này như sau:

(1)-*Bổ sung phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường* là loại phí mới thuộc Danh mục phí và lệ phí đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật BVMT năm 2020;

(2)-*Bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi*. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là giấy phép thành phần của giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật BVMT năm 2020.

III. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Mục đích: là cơ sở để ban hành Nghị quyết về việc *bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường, bãi bỏ phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi* áp dụng trên địa bàn thành phố

Hà Nội, đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên, phù hợp với đặc điểm thực tế của Thành phố Hà Nội và các quy định quản lý tài chính, ngân sách hiện hành, đảm bảo thuận lợi trong việc triển khai, áp dụng chính sách được đồng bộ, thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

2. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về mức thu phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện.

3. Tổ chức thu phí:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: tổ chức thu phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố.

- UBND các quận, huyện, thị xã: tổ chức thu phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND các quận, huyện, thị xã.

4. Đối tượng nộp phí, miễn phí, giảm phí:

4.1. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã.

4.2. Đối tượng miễn phí, giảm phí:

Không có

V. PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Quy định chung về việc thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo Luật BVMT

Điều 28 Luật BVMT năm 2020 đã quy định tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư thành 04 nhóm, gồm có:

- Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (khoản 3);

- Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 4);

- Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 5);

- Dự án đầu tư nhóm IV là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 6).

Các thủ tục môi trường cần thực hiện đối với hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở trong suốt quá trình hoạt động như sau:

Biểu 1. Tổng hợp trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường trong quá trình đầu tư và hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở theo quy định của Luật BVMT năm 2020

TT	Loại dự án	Trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý trong suốt quá trình hoạt động của dự án đầu tư/cơ sở						Thẩm quyền
1.	Nhóm I	Đánh giá tác động môi trường sơ bộ trong giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư	Đánh giá tác động môi trường	Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 07 năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2.	Nhóm II		Đánh giá tác động môi trường	Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 10 năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường UBND Thành phố
3.	Nhóm II (quy mô trung bình quy mô nhỏ)			Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 10 năm	UBND Thành phố
4.	Nhóm III			Cấp mới giấy phép môi trường	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Đưa dự án đi vào hoạt động chính thức	Cấp lại giấy phép môi trường. Thời hạn cấp lại 10 năm	UBND Thành phố/ UBND cấp huyện
5.	Nhóm IV			Đăng ký môi trường				UBND cấp xã
6.	Nhóm IV (không phát sinh chất thải)			Không phải thực hiện thủ tục môi trường				

2. Thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

2.1. Đối tượng: Dự án đầu tư Nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2.2. Thẩm quyền thẩm định, cấp phép:

- UBND Thành phố cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư nhóm II thuộc thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên và các cơ sở hoạt động trước Luật BVMT năm 2020 đã được Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND thành phố phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- UBND các quận, huyện, thị xã cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn.

Danh mục Dự án đầu tư Nhóm II và nhóm III được quy định tại Phụ lục IV và Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập hội đồng thẩm định/tổ thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường tổ chức thực hiện các hoạt động thẩm định cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép môi trường của Dự án đầu tư, cơ sở được thực hiện tương tự như hoạt động cấp giấy phép môi trường (cấp lần đầu).

2.4. Thời hạn của giấy phép môi trường:

10 năm. Thời hạn của giấy phép môi trường có thể ngắn hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 40 Luật BVMT năm 2020 theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở.

* Theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố; thủ tục thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền UBND Thành phố cấp phép, do Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết; thuộc thẩm quyền UBND các quận, huyện, thị xã cấp phép do UBND các quận, huyện, thị xã giải quyết.

VI. XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC THU PHÍ

1. Nguyên tắc xác định mức thu phí

Điều 8 Luật Phí và lệ phí quy định: “Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà

nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”

Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021) quy định: “*Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí phù hợp.*”

Luật BVMT quy định một trong những nguyên tắc về bảo vệ môi trường như sau: “*Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật*”. Vì vậy, ngân sách nhà nước không chi trả cho các hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường; do mục đích của hoạt động thẩm định là đề xuất và phê duyệt các phương án, giải pháp xử lý và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ và trách nhiệm phải thực hiện để bảo vệ môi trường.

Do vậy, căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí theo quy định của pháp luật hiện hành; xác định nguyên tắc xây dựng mức thu phí là khoản thu để **đáp ứng toàn bộ chi phí** thực hiện các hoạt động thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ xây dựng mức thu phí

2.1. Cơ sở pháp lý về quản lý tài chính:

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Và các khoản chi khác theo thực tế.

2.2. Các khoản chi cho hoạt động thẩm định:

- Chi phí trực tiếp: là các khoản chi cho hoạt động thẩm định (A_H) (tính theo từng hồ sơ đề nghị thẩm định), gồm: tổ chức họp Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra, tiến hành khảo sát hoặc kiểm tra thực tế tại địa điểm dự kiến triển khai Dự án, địa điểm cơ sở (theo các mức chi trong ngày); lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, chuyên gia theo quy định của Luật BVMT năm 2020; không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá

trình thẩm định. Các khoản chi và mức chi được áp dụng thống nhất và tương tự như đối với hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường (áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố), do có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ, vai trò thẩm định và phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra.

- Chi phí khác: là chi phí quản lý chung (A_{ql}) của cơ quan thường trực thẩm định, gồm: chi phí văn phòng phẩm, photo, in ấn tài liệu, thông tin liên lạc và bưu chính thư tín với các cơ quan có liên quan; khấu hao tài sản, máy móc, thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác thẩm định, chi điện nước phục vụ hội nghị và các chi phí khác (theo chi phí năm),... Mức chi được tính bằng 20% chi phí trực tiếp theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính.

2.3. Đề xuất phương án xây dựng mức thu phí:

Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là loại phí mới, do vậy đề xuất phương án xây dựng mới. Mức thu phí đề xuất ban hành là khoản thu đảm bảo kinh phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết cho hoạt động thẩm định theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và quy trình giải quyết TTHC đã được ban hành.

Trên quy trình giải quyết TTHC và các quy định của Luật BVMT năm 2020, đề xuất các nội dung thu phí để làm cơ sở xây dựng mức thu phí của phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo loại hình dự án đầu tư, cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường². Cụ thể như sau:

- Cấp, cấp lại giấy phép môi trường:
 - + Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
 - + Dự án đầu tư, cơ sở không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường;
- Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc trường hợp:
 - + Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

²- Theo trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường được quy định cho các trường hợp: (1)-Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (2)- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; (3)- Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Theo khoản 2 Điều 171 Luật BVMT năm 2020 quy định: “Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, ..., kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường”

+ Đã đầu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

(Các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, hoạt động thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.)

3. Xây dựng mức thu phí

3.1. Tính toán mức thu phí:

Căn cứ các quy định về xây dựng mức thu phí tại điểm 2 Mục VI Đề án, mức thu phí được tính toán như sau:

Công thức tính phí được xác định gồm chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung (chi phí cần thiết cho hoạt động thẩm định); không thực hiện áp dụng hệ số phức tạp của dự án theo loại hình sản xuất hoặc quy mô đầu tư. Mức độ phức tạp của dự án đã được tính toán trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu về thành viên của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do vậy, công thức tính phí được đề xuất như sau:

$$\text{Mức thu phí (A)} = A_{tt} + A_{ql} \quad (\text{công thức 1})$$

Căn cứ vào công thức 1, tính toán mức thu phí được thể hiện tại Phụ lục 1.1 và Phụ lục 1.2.

3.2. Đề xuất mức thu phí:

Trên cơ sở tính toán mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; đề xuất ban hành mức thu phí như sau:

ĐVT: Đồng/hồ sơ

TT	Nội dung thu phí	Thẩm quyền cấp phép của UBND Thành phố	Thẩm quyền cấp phép của UBND các quận, huyện, thị xã	Hình thức cung cấp dịch vụ
1	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường			Trực tiếp
	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	7.950.000		
	- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	13.400.000	7.200.000	

2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	6.850.000	3.300.000	Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4
3	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đã đấu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	4.200.000	2.900.000	Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4

Ghi chú: Mức thu phí nêu trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở, tại địa điểm thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định và Đoàn kiểm tra (chỉ lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Biểu 2. Tổng hợp, so sánh, đối chiếu mức thu phí đề xuất ban hành với các quy định hiện hành áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội và mức thu phí đã ban hành tại một số tỉnh/thành phố khác

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

TT	Đối tượng thu phí	Hà Nội		Đà Nẵng	Nghệ An	Bình Dương	Tuyên Quang	Hà Giang	Kiên Giang
III	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	Mức thu phí đề xuất ban hành (thẩm quyền UBND TP)	Mức thu phí theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND	(Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021)	(Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	(Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021)	(Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022)	(Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022)	(Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021)
1	<i>Mức thu phí</i>								
1.1	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường - Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	7.950.000 13.400.000	9.000.000	9.000.000 16.000.000	9.500.000	11.900.000 đến 20.230.000 18.350.000 đến 34.870.000	6.100.000 đến 11.3000.000	17.000.000	7.500.000 và 20.200.000 9.000.000 và 23.300.000
1.2	Điều chỉnh giấy phép môi trường - Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	6.850.000 6.850.000	9.000.000	9.000.000 16.000.000	4.750.000	11.900.000 đến 20.230.000 18.350.000 đến 34.870.000	50% so với mức thu phí cấp, cấp lại	200.000	7.500.000 và 20.200.000 9.000.000 và 23.300.000
2	<i>Phương án tính phí</i>	Theo các trường hợp thực hiện TTHC tương ứng	(Đối chiếu theo mức thu phí thẩm định Đề án xả nước thải)	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Theo tổng lưu lượng chất thải và số lượng nguồn thải	Áp dụng thu theo dự án đầu tư, cơ sở nhóm II, III	Áp dụng chung cho tất cả các loại hình dự án	Áp dụng chung theo dự án, cơ sở trên đất liền và trên các đảo

3.3. Đánh giá tính tương quan của mức thu phí đề xuất ban hành với các quy định hiện hành và với mức thu phí của các tỉnh, thành phố khác:

a) So sánh, đối chiếu với các mức thu phí hiện hành theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố và của các tỉnh/thành phố khác:

Trên cơ sở tổng hợp số liệu về mức thu phí tại biểu 2 cho thấy, mức phí thẩm định đề xuất ban hành có tỷ lệ bình quân tăng thêm khoảng 48,88 % so với mức phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; có tính tương đồng với tỷ lệ tăng thêm bình quân của mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (tăng thêm 64,21%), phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (tăng thêm 48,86%) đang đề xuất điều chỉnh. Với mức thu phí đề xuất, so với mặt bằng chung về mức thu phí của một số tỉnh/thành phố khác thì không có sự chênh lệch quá lớn (mức phí bằng khoảng từ 38,47% - 83,75%); mức thu phí đề xuất cho Hà Nội gần tiệm cận với mức thu phí của Đà Nẵng (là thành phố trực thuộc TW) (bằng khoảng 83,75%).

Do vậy, theo đánh giá, việc xây dựng phương án thu phí của Hà Nội đã bám sát quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đề xuất mức thu phí được áp dụng thu ngay sau khi được HĐND Thành phố thông qua.

b) Đánh giá sự phù hợp của các mức thu phí giữa các phương thức cung cấp dịch vụ trực tuyến và trực tiếp:

Tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính quy định mức phí phải: *“b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến”*.

Do vậy, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc xây dựng mức thu phí thẩm định các hồ sơ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đã tính tới yếu tố về phương án cung cấp dịch vụ theo quy trình giải quyết TTHC đã được công bố.

Biểu 3. Tổng hợp mức thu phí thẩm định đề xuất theo các phương thức cung cấp dịch vụ công trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	TTHC thuộc lĩnh vực môi trường đã công bố	Cách thức thực hiện theo TTHC đã công bố	Cách thức thực hiện đang áp dụng	Mức thu phí đề xuất (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định Cấp, cấp lại giấy phép môi trường	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	TTHC mới ban hành	7.950.000 và 13.400.000/7.200.000
2	Thẩm định Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Thông qua dịch vụ trực tuyến công mức độ 4	TTHC mới ban hành	6.850.000 và 3.300.000

3	Thẩm định Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở thuộc trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	Thông qua dịch vụ trực tuyến công mức độ 4	TTHC mới ban hành	4.200.000 và 2.900.000
---	--	--	-------------------	------------------------

Theo biểu so sánh trên, mức thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với hoạt động cung cấp dịch vụ theo hình thức cung cấp trực tuyến chỉ bằng khoảng từ 30-60% so với hình thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Như vậy, việc xây dựng mức thu phí như trên đã có sự đề xuất phù hợp với các hình thức cung cấp dịch vụ theo đúng quy định tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính đã ban hành.

c) Đánh giá tính tương quan với các mức thu phí thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường do cơ quan trung ương thực hiện:

Tại điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính quy định: “c) ... Quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định”.

Do vậy, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020, đã nghiên cứu các mức thu phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện.

Theo Thông tư của Bộ Tài chính ban hành về phí thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường không bao gồm chi phí kiểm tra và chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Tuy nhiên, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính đã bao gồm chi phí kiểm tra, không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 đã bao gồm chi phí kiểm tra, không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

Do vậy, để thống nhất nội dung chi cho hoạt động thẩm định làm cơ sở đề xuất mức thu phí thống nhất áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội; mức thu phí được đề xuất đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở, tại địa điểm thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định và Đoàn kiểm tra (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định nhằm đảm bảo tính tương đồng với các mức thu phí thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường hiện đang áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.4. Dự toán thu, chi; tỷ lệ chi để lại:

Dự toán thu, chi và tỷ lệ chi cho hoạt động thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường được dự kiến theo số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trong 03 năm (2019-2021) của Sở Tài nguyên và Môi trường, tổng hợp theo biểu 4 (chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).

Biểu 4. Dự toán thu, chi cho hoạt động thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU ĐƯỢC (VNĐ)	GHI CHÚ
A	TỔNG DỰ TOÁN THU CẢ NĂM					
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường.	Hồ sơ	80,3	9.700.000	778.910.000	Dự kiến theo số hồ sơ bình quân 03 năm
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố	Hồ sơ	277	13.400.000	3.711.880.000	Dự kiến theo số hồ sơ năm 2021
III	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp huyện (ước tính 20 hồ sơ/huyện)	Hồ sơ	600	7.200.000	4.320.000.000	Tạm tính
	Tổng cộng				8.810.710.000	
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI CẢ NĂM					
I	Cấp thành phố					
1	Chi nội dung thẩm định (Cơ quan thường trực thẩm định: Sở TNMT)				4.199.971.800	
2	Tỷ lệ chi bình quân	%			93,53	
II	Cấp huyện					
1	Chi nội dung thẩm định				3.688.260.000	
2	Tỷ lệ chi bình quân	%			85,38	

Ghi chú: Dự toán thu – chi được tính chung cho tất cả các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ vào dự toán thu – chi cho hoạt động thẩm định cho thấy mức thu phí đề xuất ban hành đã đáp ứng được nguyên tắc xây dựng phí, đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định theo quy định.

VII. PHƯƠNG ÁN THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ

1. Phương án thu, nộp phí

Trên cơ sở Đề án được thông qua và HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa

bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020”, UBND Thành phố sẽ ban hành Quyết định triển khai Nghị quyết và đề xuất phương án tổ chức thu, nộp phí theo đúng quy định hiện hành.

2. Phương án quản lý và sử dụng phí

- Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

- Số phí được lấy lại từ ngân sách theo dự toán duyệt hàng năm, được sử dụng để phục vụ cho hoạt động thẩm định; gồm các khoản chi chính sau đây:

+ Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (nếu có), trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ hiện hành;

+ Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí... theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

+ Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

+ Chi thuê phương tiện, thiết bị phục vụ công việc trong điều kiện cơ quan không có hoặc không đủ để phục vụ công tác;

+ Chi hội họp với các cơ quan có liên quan trong quá trình thẩm định, khảo sát thực tế, xử lý và trình phê duyệt kết quả thẩm định;

+ Chi khác liên quan trực tiếp đến công tác xét phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định hiện hành.

- Mức chi: theo quy định hiện hành tại thời điểm tổ chức thẩm định; các hạng mục không có trong định mức, căn cứ vào chi phí thực tế.

3. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí và hiệu quả thu phí

3.1. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí:

Nội dung của Đề án được xây dựng căn cứ vào các quy định hiện hành, kế thừa và điều chỉnh một số khoản chi phí cho phù hợp với các quy định chi ngân sách hiện hành. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đề xuất ban hành có mức chi phí bình quân cao hơn mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi ở mức thu cao nhất khoảng 48,88% và có tính tương đồng với tỷ bình quân tăng thêm của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (tăng thêm 64,21%), phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (tăng thêm 48,86%) đang đề xuất sửa đổi. Theo đánh giá về tính tương quan với các quy định của trung ương và của một số tỉnh, thành phố khác; mức thu phí và phương án tính phí đang đề xuất tại Đề án là phù hợp, không có sự khác biệt theo mặt bằng chung. Do vậy, các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ sẽ

đồng tình và sẵn lòng chi trả các mức phí này. Bên cạnh đó, đời sống người dân ngày càng nâng cao và từng bước cải thiện nên việc nộp phí sẽ thực hiện tốt.

3.2. Hiệu quả thu phí:

Mức thu phí đề xuất tại điểm 3.2 mục VI Đề án được xác định đảm bảo chi phí cơ bản, tối thiểu, cần thiết bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo công bằng, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công nhân.

Đơn vị trực tiếp thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị hành chính nhà nước trực tiếp tổ chức các hoạt động thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không phải đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện. Sở Tài nguyên và Môi trường có tài khoản riêng, con dấu riêng, chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề xuất việc nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/6/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ Đề án “Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội”; Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất, kiến nghị như sau:

1. Đề nghị UBND Thành phố xem xét, chấp thuận và có Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội thông qua và ban hành Nghị quyết “*về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020*”;

Trong đó đề xuất:

a. Bổ sung quy định thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại khoản 22 vào sau khoản 21 Mục A thuộc Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

b. Bãi bỏ khoản 16 Phần A quy định thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi thuộc Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

2. Căn cứ Nghị quyết được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội thông qua; Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ ban hành Quyết định tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, nếu mức tính phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường không còn phù hợp hoặc có sự thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan; Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ chủ trì, phối hợp với Cục thuế Thành phố Hà Nội, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố xem xét, trình HĐND Thành phố xem xét, sửa đổi mức thu phí trong kỳ họp gần nhất cho phù hợp./.

Phụ lục 1.1. Tính mức phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

Đơn vị tính: x 1.000 Đồng/Hồ sơ

STT	Phân loại Dự án/cơ sở	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số phí thẩm định phải nộp (UBND Thành phố)			Số phí thẩm định phải nộp (UBND cấp huyện)			Căn cứ pháp lý / Ghi chú
				Khối lượng	Mức chi (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)	Khối lượng	Mức chi (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)	
I	Cấp, cấp lại giấy phép môi trường									
1	Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt Kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Chi phí trực tiếp (Att)				6.600				
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020 (trong trường hợp cần thiết)	bài nx	2	500	1.000				Mục 3 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ- UBND
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (tối thiểu 05 thành viên, có quyết định thành lập)				5.600				Số lượng thành viên phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên Tổ thẩm định				1.900				Mục 6.5 và 6.6 Phụ lục kèm theo QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (ủy viên phản biện)	bài nx	2	500	1.000				
		- Thành viên	bài nx	3	300	900				
		Chi cho họp thẩm định				2.500				Áp mức chi cho Hội đồng thẩm định ĐTM theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700				Mục 6.1
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600				Mục 6.2

		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900				Mục 6.3
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	2	150	300				Mục 6.4
		Lấy ý kiến nhận xét trong trường hợp chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (không quá 03 ý kiến)				1.200				Mục 6.7
		- Chuyên gia mời	bài nx	3	400	1.200				
		Chi phí quản lý chung ($Aql = Att \times 20\%$)	20%			1.320				Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định ($A = Att + Aql$)				7.920				
		Làm tròn				7.950				
		Bằng chữ:	Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng							
		Chi phí trực tiếp (Att)				11.164			5.937	
2	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM	Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án (thành viên tối thiểu 07 người cấp thành phố, tối thiểu 05 người cấp huyện)				3.064			1.437	Tổ chức Đoàn kiểm tra trong trường hợp cơ sở đang hoạt động (số lượng thành viên tùy thuộc vào từng dự án cụ thể)
		Chi xăng xe (định mức 0,2 lít/người x 24.570 đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, đối với cấp thành phố và 30 km đối với cấp huyện) (giá xăng tính ở thời điểm lập dự toán)	lít	84	25	2.064	30	25	737	Tiết b.2 Mục III Phụ lục 03 kèm theo NQ 09/2017/NQ-HĐND
		Chi thuê chuyên gia tham gia khảo sát	người/buổi	2	500	1.000	2	350	700	Mục 6.5 Phụ lục kèm theo

									QĐ số 31/2017/QĐ-UBND
	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (tối thiểu 07 người cấp thành phố, tối thiểu 05 người cấp huyện, có quyết định thành lập)				7.100			3.800	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
	Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định				2.500			1.300	
	- Chuyên gia mời (phản biện)	<i>bài nx</i>	2	500	1.000	2	350	700	
	- Thành viên	<i>bài nx</i>	5	300	1.500	3	200	600	
	Chi cho họp thẩm định				3.400			1.900	
	- Chủ tịch	<i>người/buổi</i>	1	700	700	1	500	500	
	- Phó chủ tịch	<i>người/buổi</i>	1	600	600	1	400	400	
	- Thành viên, thư ký	<i>người/buổi</i>	5	300	1.500	3	200	600	
	- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	<i>người/buổi</i>	4	150	600	4	100	400	
	Lấy ý kiến nhận xét trong trường hợp chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (không quá 03 ý kiến)				1.200			600	
	- Chuyên gia mời	<i>bài nx</i>	3	400	1.200	2	300	600	
	Chi phí quản lý chung ($A_{ql} = A_{tt} \times 20\%$)		20%		2.233			1.187	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
	Mức thu phí thẩm định ($A = A_{tt} + A_{ql}$)				13.397			7.125	
	Làm tròn				13.400			7.200	
	Bằng chữ:	Mười ba triệu bốn trăm				Bảy triệu hai trăm ngàn đồng			

II		Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường									
1	Dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện điều chỉnh GPMT	Chi phí trực tiếp (A)				5.700			2.750		
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND	
		Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định (không quá 05 thành viên đối với cấp thành phố, không quá 03 thành viên đối với cấp huyện, có quyết định thành lập)				4.700			2.050	Số lượng thành viên phụ thuộc vào từng dự án cụ thể	
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên tham gia Tổ thẩm định				1.900			750	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND	
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	1	350	350		
		- Thành viên	bài nx	3	300	900	2	200	400		
		Chi cho họp thẩm định				2.800			1.300		
		- Chủ tịch	người/buổi	1	700	700	1	500	500		
		- Phó chủ tịch	người/buổi	1	600	600	0		0		
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900	2	200	400		
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	4	150	600	4	100	400		
		Chi phí quản lý chung (Aql = Att x 20%)	20%			1.140			550	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC	
		Mức thu phí thẩm định (A = Att + Aql)				6.850			3.300		
		Làm tròn				6.850			3.300		
		Bằng chữ:	Sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng					Ba triệu ba trăm ngàn đồng			

III Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định 08/2022/NĐ-CP										
1	Dự án đầu tư, cơ sở	Chi phí trực tiếp (A)				3.500			2.400	
		Lấy ý kiến nhận xét của các cơ quan liên quan theo Khoản 2, Điều 43, Luật BVMT 2020	bài	2	500	1.000	2	350	700	Mục 3 Phụ lục kèm theo Quyết định 31/2017/QĐ-UBND
		Tổ chức họp Tổ thẩm định (không quá 03 thành viên, có quyết định thành lập)				2.500			1.700	
		Lấy ý kiến nhận xét của Thành viên tham gia Tổ thẩm định				1.300			900	Vận dụng theo chế độ chi của Hội đồng thẩm định ĐTM tại mục 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND
		- Chuyên gia mời (phản biện)	bài nx	2	500	1.000	2	350	700	
		- Thành viên	bài nx	1	300	300	1	200	200	
		Chi cho họp thẩm định				1.200			800	
		- Thành viên, thư ký	người/buổi	3	300	900	3	200	600	
		- Đại biểu tham dự (cán bộ hỗ trợ, đại diện các cơ quan liên quan)	người/buổi	2	150	300	2	100	200	
		Chi phí quản lý chung (Aql = Att x 20%)	20%			700			480	Mục II Phụ lục 03 kèm theo TT 02/2017/TT-BTC
		Mức thu phí thẩm định (A = Att + Aql)				4.200			2.880	
		Làm tròn				4.200			2.900	
		Bằng chữ:	Bốn triệu hai trăm ngàn đồng				Hai triệu chín trăm ngàn đồng			

Ghi chú: Trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng VHTN; các dự án đầu tư, cơ sở đã đầu nối nước thải vào HTXLNT tập trung và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định này)

		+ Phòng TNMT cấp huyện, + UBND cấp xã	02 -	02 -	- 02
Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định	Người/công	- Số lượng thành viên tham gia	Tối thiểu 05 người	Tối thiểu 07 người	Tối thiểu 05 người
		- Cơ cấu Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định: + Chủ tịch; + Phó Chủ tịch; + Chuyên gia (ủy viên phản biện); + Thành viên, thư ký; + Thành viên khác	01 01 02 01	01 01 02 01 02	01 - 02 01 01
		- Đại diện cơ quan có liên quan: + Cơ quan QLNN về công trình thủy lợi; + CĐT/BQL hạ tầng KCCN; + Phòng TNMT cấp huyện, + UBND cấp xã	01 01 01 -	01 01 02 -	01 01 02 02

Ghi chú:

- Đối với trường hợp thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) đề xuất thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định với thành phần không quá 05 thành viên đối với cấp Thành phố, không quá 3 thành viên đối với cấp huyện.
- Khối lượng công việc thực hiện được xác định căn cứ vào quy trình, trình tự, thủ tục thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành; trên cơ sở tính chất, mức độ phức tạp của Dự án đầu tư, cơ sở để xác định số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra và yêu cầu công việc của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, giải quyết các TTHC theo quy định

PHỤ LỤC 2.**Dự toán cả năm về thu và chi phí thẩm định các hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội****1. Cơ sở lập dự toán:**

- Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và số 116/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về chi lương, tiền công
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;
- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Hà nội ban hành một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà nội;
- Một số hạng mục không có trong định mức, căn cứ vào chi phí thực tế.

2. Dự toán thu phí thẩm định nộp ngân sách (tính theo năm):

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU PHÍ (VNĐ)	SỐ PHÍ THU ĐƯỢC (VNĐ)	GHI CHÚ
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường	Hồ sơ	80	9.700.000	778.910.000	Dự kiến theo số hồ sơ bình quân 03 năm của Sở TNMT
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố	Hồ sơ	277	13.400.000	3.711.800.000	Dự kiến theo số hồ sơ năm 2021 của Sở TNMT
III	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp huyện (ước tính 20 hồ sơ/ huyện*30 quận, huyện, thị xã = 600 hồ sơ)	Hồ sơ	600	7.200.000	4.320.000.000	Tạm tính
	Tổng cộng				8.810.710.000	

Ghi chú:

1. Mức thu phí báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường: được áp mức thu phí bình quân tương đương trên cơ sở đối chiếu mức thu phí bình quân giai đoạn 2019-2021 theo nhóm dự án được tiếp nhận giải quyết.
2. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường: áp dụng mức thu phí cho đối tượng cấp lần đầu.

3. Dự toán chi cho hoạt động thẩm định (tính theo năm)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	MỨC THU (VNĐ)	SỐ PHÍ THU (VNĐ)	GHI CHÚ
A	Chi nội dung thẩm định thuộc thẩm quyền cấp Thành phố (Cơ quan thường trực thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường)				4.199.971.800	
I	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường				1.144.428.400	
1	<i>Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định</i>	Hồ sơ	80	1.000.000	80.300.000	
	<i>Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (01 Hồ sơ)</i>	Bài nx	2	500.000	1.000.000	
2	Tổng chi hợp thẩm định báo cáo ĐTM				486.618.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	80	6.060.000	486.618.000	
	<i>Hợp thẩm định báo cáo ĐTM (1 Hồ sơ)</i>				6.060.000	Số lượng từ 7-9 thành viên tùy dự án
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	700.000	700.000	
	Phó chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	600.000	600.000	
	Thành viên Hội đồng (5 người x 01 buổi)	người	5	300.000	1.500.000	
	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện (2 người)	bài nx	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng (5 người)	bài nx	5	300.000	1.500.000	
	Đại biểu mời tham dự (04 người x 01 buổi)	Người	4	150.000	600.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (07 Thành viên hội đồng, 04 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	

3	Tổng chi phí phục vụ cho kiểm tra các dự án	Hồ sơ	80	3.063.880	245.110.400	
	<i>Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 hồ sơ)</i>				3.063.880	
	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 60km tối thiểu cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	lít	84	24.570	2.063.880	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	500.000	1.000.000	
II	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp thành phố				2.917.973.400	
1	Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định		277	1.000.000	277.000.000	
	Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (01 hồ sơ)	Bài nx	2	500.000	1.000.000	
2	Hợp thẩm định cấp giấy phép MT				1.623.220.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	277	5.860.000	1.623.220.000	
	<i>Hợp thẩm định cấp giấy phép MT (1 Hồ sơ)</i>				5.860.000	Số lượng từ 5-7 thành viên tùy dự án
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	700.000	700.000	
	Phó chủ tịch Hội đồng (1 người x 01 buổi)	người	1	600.000	600.000	
	Thành viên Hội đồng (5 người x 01 buổi)	người	5	300.000	1.500.000	
	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện (2 người)	bài nx	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng (5 người)	bài nx	5	300.000	1.500.000	
	Đại biểu mời tham dự	Người	4	100.000	400.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (07 Thành viên hội đồng, 04 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	
3	Tổng chi phí phục vụ cho đoàn kiểm tra, tổ chức khảo sát thực tế tại địa điểm triển khai các dự án, cơ sở	Hồ sơ	277	2.474.200	685.353.400	

	Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 Hồ sơ)				2.474.200	
	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 60km cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	ngày	60	24.570	1.474.200	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	500.000	1.000.000	
4	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định	Hồ sơ	277	1.200.000	332.400.000	
	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định trong trường hợp cần thiết (03 chuyên gia) (01 hồ sơ)	bài nx	3	400.000	1.200.000	theo thực tế xử lý hồ sơ
III	Chi quản lý chung của cơ quan thẩm định				137.570.000	Tạm tính theo Dự toán duyệt 2021
	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước...)	Tháng	12		25.000.000	
	Thanh toán văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng...	Tháng	12		30.000.000	
	Thông tin liên lạc, cước điện thoại, cước bưu chính...	Hồ sơ	357	10.000	3.570.000	Tạm tính
	Chi thuê mướn (phương tiện, thiết bị...)	Tháng	12	4.500.000	54.000.000	Tạm tính
	Chi phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất thiết bị dùng cho công tác chuyên môn				20.000.000	
	Chi khác				5.000.000	
	Tỷ lệ chi (Tổng chi/Tổng thu)	%			93,53	
B	Chi nội dung thẩm định thuộc thẩm quyền cấp huyện (giấy phép môi trường)				3.688.260.000	
I	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường cấp huyện (ước tính 20 hồ sơ/ huyện*30 huyện = 600 hồ sơ)				3.538.260.000	
1	Tổng chi phí phục vụ cho đoàn kiểm tra, tổ chức khảo sát thực tế tại địa điểm triển khai các dự án, cơ sở	Hồ sơ	600	1.437.100	862.260.000	
	Kiểm tra khảo sát hiện trạng dự án trước khi thẩm định (1 Hồ sơ)				1.437.100	

	Chi phí thuê xe (0,2 lít xăng/người x 24.570đ/lít x 30km cả đi và về, tính trung bình cho các huyện xa, gần)	ngày	30	24.570	737.100	Cán bộ địa phương không tính xăng xe
	Chi cho chuyên gia tham gia khảo sát (02 người)	người	2	350.000	700.000	
2	Chi phí lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định		600	700.000	420.000.000	
	Chi phí lấy ý kiến của cơ quan tổ chức, chuyên gia trước khi tổ chức thẩm định (1 Hồ sơ)	Bài nx	2	350.000	700.000	
3	Hợp thẩm định cấp giấy phép MT				1.896.000.000	
	Tổng chi cho hợp thẩm định	Hồ sơ	600	3.160.000	1.896.000.000	
	<i>Hợp thẩm định cấp giấy phép MT(1 hồ sơ)</i>				<i>3.160.000</i>	
	Tổ trưởng (1 người x 01 buổi)	người	1	500.000	500.000	
	Thành viên (4 người x 01 buổi)	người	4	200.000	800.000	
	Bài nhận xét của thành viên tổ thẩm định (phản biện)	bài xn	2	350.000	700.000	
	Bài nhận xét của thành viên tổ thẩm định	bài xn	3	200.000	600.000	
	Đại biểu mời tham dự	Người	4	100.000	400.000	
	Chi tiền nước cho người tham dự (05 Thành viên hội đồng, 06 đại biểu mời, 02 chủ đầu tư, 03 đơn vị tư vấn)	Người	16	10.000	160.000	
4	Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định	Hồ sơ	600	600.000	360.000.000	
	<i>Chi lấy ý kiến lại sau thẩm định trong trường hợp cần thiết (02 chuyên gia) (01 hồ sơ)</i>	bài nx	2	300.000	600.000	theo thực tế xử lý hồ sơ
II	Chi phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất và các hoạt động khác phục vụ công tác chuyên môn (gồm 30 đơn vị quận, huyện và thị xã)		30	5.000.000	150.000.000	Tạm tính
	Tỷ lệ chi (Tổng chi/Tổng thu)	%			85,38	